

TÂM NHÌN

DUY TRÌ VỊ THẾ DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU CỦA NGÀNH NHỰA VẬT LIỆU XÂY DỰNG VIỆT NAM. CHỦ ĐỘNG HOÀN THIỆN NĂNG LỰC, SẴN SÀNG CẠNH TRANH TRONG KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ.

SỨ MỆNH

CUNG ỨNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ ĐÁP ỨNG NHU CẦU NGÀY CÀNG CAO CỦA THỊ TRƯỜNG. BẢO ĐẢM HÀI HÒA CÁC LỢI ÍCH CỦA KHÁCH HÀNG, NGƯỜI LAO ĐỘNG, CỔ ĐÔNG VÀ XÃ HỘI.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

ĐỒNG THUẬN CAO -
TÔN TRỌNG QUÁ KHỨ -
VỮNG VÀNG HIỆN TẠI -
TỰ TIN HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI.

THÔNG điệp TỪ CHỦ TỊCH HĐQT



**CHÚNG TÔI CAM KẾT
GIỮ VỮNG VAI TRÒ
DẪN ĐẦU THỊ TRƯỜNG
VIỆT NAM VÀ TRÒ
THÀNH MỘT TRONG
SỐ CÁC DOANH NGHIỆP
TỐT NHẤT TRONG
KHỐI ASEAN.**

Quý Cổ đông, Khách hàng, Đối tác và toàn thể Cán bộ-Công nhân viên thân mến,

Trong năm 2019, Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh đã đạt mức sản lượng tiêu thụ 105.000 tấn - cao nhất từ trước đến nay, vượt chỉ tiêu kế hoạch 6% và tăng 11% so với năm trước đó. Nội bộ ngành ghi nhận có sự tăng trưởng, mặc dù cũng còn sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp cùng ngành hiện tại và mới nổi; tình trạng cung vượt quá cầu và thị trường thiếu ổn định do ảnh hưởng căng thẳng của nền kinh tế thế giới. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh vẫn đang đi đúng hướng trong việc giữ vững vị thế tại Việt Nam và mở rộng đến một số khu vực các nước Đông Nam Á với sự liên minh cùng Nawaplastic Industries Co., Ltd. Chúng tôi cam kết giữ vững vai trò dẫn đầu thị trường Việt Nam và trở thành một trong số các doanh nghiệp tốt nhất trong khối ASEAN.

Bên cạnh kết quả tài chính lành mạnh, năm tài khóa 2019 cũng đánh dấu những thành tựu đáng chú ý, cụ thể như các giải thưởng "50 Doanh Nghiệp Niêm Yết Tốt Nhất Việt Nam" do tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn, "Những Nơi Làm Việc Tốt Nhất Châu Á 2019" do tạp chí HR Asia công bố. Chúng tôi tiếp tục cam kết mang đến cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ có chất lượng cao, đồng thời duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh tập trung vào liên tục cải tiến hiệu quả vận hành, nâng cao các tiêu chuẩn an toàn, thực hiện tự động hóa sản xuất và thúc đẩy mối hợp tác liên minh giữa Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh với các đối tác hàng đầu để phát triển sản phẩm và mở rộng thị phần. Những sách lược cơ bản này sẽ đặt nền móng chắc chắn cho sự phát triển bền vững của Công ty.

Năm 2020 sẽ tiếp tục là một năm đầy thách thức đối với Việt Nam. Với thế hệ người Việt Nam trẻ trung, tràn đầy năng lượng kết hợp với sự ủng hộ vững chắc của Chính phủ, chúng tôi hy vọng sẽ nhìn thấy đất nước tiếp tục đà phát triển.

Cho giai đoạn 2020-2024, Hội đồng quản trị đã đưa ra những chỉ đạo tập trung vào:

- Nâng cao năng lực cạnh tranh toàn diện và thực hiện các biện pháp giảm chi phí.
- Kiện toàn tổ chức và phát triển khả năng nhân lực nhằm tương xứng sự tăng trưởng của Công ty.
- Tăng cường các chuẩn mực về quản trị nội bộ Công ty theo hướng nhất quán và minh bạch.
- Xúc tiến hợp tác với các liên minh chiến lược trong phát triển sản phẩm mới và thâm nhập thị trường mới thông qua mạng lưới quan hệ vững mạnh trong phân phối.

Tôi tin tưởng rằng với sự ủng hộ của Quý cổ đông, sự cố gắng đầy nhiệt huyết của Ban Điều hành Công ty và toàn thể Cán bộ-Công nhân viên, cùng với sự tin nhiệm từ trước đến nay từ Quý khách hàng đối tác và cổ đông, Công ty Cổ Phần Nhựa Bình Minh sẽ tiếp tục tỏa sáng bền lâu.

Trân trọng cảm ơn.

**Chủ tịch Hội đồng quản trị
SAKCHAI PATIPARNPREECHAVUD**

MỤC LỤC



TRANG 02 - 39



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát.
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.
4. Định hướng phát triển - Chiến lược từ 2020-2024.
5. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến Công ty.

TRANG 40 - 83



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.
2. Tổ chức và nhân sự.
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.
4. Tình hình tài chính.
5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

TRANG 84 - 107



III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
2. Tình hình tài chính.
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

TRANG 108 -121



IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị.
3. Đánh giá của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
4. Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban điều hành.
5. Định hướng của Hội đồng quản trị về tầm nhìn và chiến lược phát triển.

TRANG 122 -149



V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị.
2. Ban Kiểm soát.
3. Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2020.
4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát

TRANG 150 -192



VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán.
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CBCNV: Cán bộ công nhân viên
NLĐ: Người lao động
ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT: Hội đồng quản trị
BKS: Ban Kiểm soát
BTGD: Ban Tổng Giám đốc

HĐTV: Hội đồng thành viên
BMP: Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh
TNHH: Trách nhiệm hữu hạn
MTV: Một thành viên
NBM: Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh Miền Bắc
BMLA: Bình Minh Long An
DPC: Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng

SCIC: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
BMV: Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt
TP.HCM: Thành phố Hồ Chí Minh
TNDN: Thu nhập doanh nghiệp
ERP: Enterprise Resource Planning - Chương trình hoạch định tổng thể nguồn lực doanh nghiệp

ĐKDN: Đăng ký doanh nghiệp
QTRR: Quản trị rủi ro
PCCC: Phòng cháy chữa cháy
KSNB: Kiểm soát nội bộ
NTP: Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong



STL

SÀNG LỘC



**THÔNG TIN
CHUNG**




NHỰA BÌNH MINH®
 Tên công ty:
**CÔNG TY CỔ PHẦN
NHỰA BÌNH MINH**
 TÊN TIẾNG ANH:
**BINH MINH PLASTICS
JOINT-STOCK COMPANY**
 Tên giao dịch:
BM PLASCO

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301464823

Vốn điều lệ:

818.609.380.000 ĐỒNG

Địa chỉ:

240 Hậu Giang, phường 9, quận 6, TP. HCM

Điện thoại: (84-28) 39 690 973

Fax: (84-28) 39 606 814

Website: www.binhminhplastic.com.vn

Mã cổ phiếu : BMP



THÔNG TIN CHUNG



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1977 - 1986: ỔN ĐỊNH SẢN XUẤT

Trong bối cảnh kinh tế đất nước bị cấm vận, Nhà máy phải sản xuất cầm chừng từ nguồn nguyên liệu tồn kho từ trước ngày giải phóng, Ban Lãnh đạo đã xác định tập trung sản xuất sản phẩm nhựa kỹ thuật đáp ứng cho nhu cầu thiết yếu của xã hội với chi phí nguyên liệu thấp nhất. Các sản phẩm như dây truyền dịch, bộ điều chỉnh Karman cho y tế, phụ tùng nhựa cho ngành dệt, bình xịt phục vụ nông nghiệp, nón bảo hộ lao động cho công nhân hầm mỏ đã ra đời trong giai đoạn này. Đây cũng là giai đoạn khởi đầu quan trọng để Công ty trở thành nhà cung cấp nhựa PVC-U có đường kính 220 mm đầu tiên ở Việt Nam, phục vụ các ngành: cấp nước, thoát nước, điện lực, viễn thông,...

1977

Ngày 16/11, Nhà máy Công tư Hợp doanh Nhựa Bình Minh trực thuộc Tổng Công ty Công nghệ phẩm – Bộ Công nghiệp nhẹ được thành lập từ việc hợp nhất giữa Công ty Ống nhựa hóa học Việt Nam (Kepivi) và Công ty Kỹ nghệ Kiểu Tinh, chuyên sản xuất các loại sản phẩm nhựa dân dụng, một số sản phẩm ống và phụ kiện ống nhựa.

1986

Đây là năm đánh dấu bước chuyển mình lịch sử của Nhựa Bình Minh khi được UNICEF lựa chọn làm nhà cung cấp đầu tiên và chủ yếu ống nhựa PVC-U cho dự án "Chương trình nước sạch nông thôn", đánh dấu sự chuyển đổi hoàn toàn cơ cấu sản phẩm của Nhựa Bình Minh sang sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp và kỹ thuật, tạo tiền đề cho ngành ống nhựa Việt Nam phát triển.

1987 - 1996: ĐẦU TƯ KHOA HỌC KỸ THUẬT - ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Trong giai đoạn này, Nhựa Bình Minh đã chuyển đổi hoàn toàn từ một nhà máy chuyên sản xuất hàng gia dụng sang sản xuất nhựa công nghiệp, chủ yếu là ống nhựa theo tiêu chuẩn quốc tế. Song song đó, Công ty đầu tư mở rộng mặt bằng nhà máy tại TP. HCM, đầu tư xây dựng mới Nhà máy 2 với tổng diện tích 20.000 m² tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, tỉnh Bình Dương, trang bị hoàn toàn máy móc hiện đại của các nước châu Âu.

1990

Đổi tên thành Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Nhựa Bình Minh, là đơn vị Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ.

Chính thức đăng ký bảo hộ độc quyền nhãn hiệu hàng hóa, thương hiệu và logo Nhựa Bình Minh tại Việt Nam, khởi đầu cho việc xây dựng và phát triển thương hiệu.

Hệ thống phân phối sản phẩm của Nhựa Bình Minh bắt đầu được hình thành.

1994

Đổi tên thành Công ty Nhựa Bình Minh, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ.

Doanh nghiệp đầu tiên ứng dụng công nghệ tiên tiến Dry-Blend để sản xuất ống nhựa PVC-U đường kính lớn nhất Việt Nam (400 mm) trực tiếp từ nguyên liệu compound.

THÔNG TIN CHUNG



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (tt)

**1997 - 2006:
ĐỔI MỚI ĐỂ PHÁT TRIỂN**

Với chủ trương "Đổi mới để phát triển", Công ty liên tục đầu tư máy móc, thiết bị hiện đại bằng nguồn vốn tự có để nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm. Điều này tạo tiền đề cho việc sản xuất các sản phẩm ống chất lượng quốc tế có đường kính lớn nhất Việt Nam hiện nay như ống PVC-U 630 mm, ống HDPE 1.200 mm bên cạnh ống gân PE thành đôi, ống PP-R, mang đến cho khách hàng thêm nhiều lựa chọn, góp phần phát triển kinh tế nước nhà.



Lần đầu tiên đưa ra thị trường sản phẩm ống HDPE trơn và ống PE gân thành đôi.

Ngày 02/01, sau cổ phần hóa, Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh chính thức hoạt động với tên giao dịch là Bình Minh Plastics Joint-Stock Company, viết tắt là BMPLASCO.

Công ty đầu tư thiết bị và mở rộng diện tích Nhà máy 2 lên 50.000m².

Ngày 11/7, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán BMP.



1999



Khánh thành Nhà máy 2 - diện tích 20.000 m² tại tỉnh Bình Dương với trang thiết bị hiện đại của các nước châu Âu - đánh dấu một bước phát triển về quy mô và năng lực sản xuất của Công ty.

2000

Được cấp chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001.

2002

Hoàn tất đầu tư kho bãi, mở rộng diện tích Nhà máy 2 lên 30.000 m².

2004

2006

THÔNG TIN CHUNG



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (tt)

**2007 ĐẾN NAY:
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

Với định hướng chiến lược phát triển bền vững, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Công ty với cổ đông, khách hàng, người lao động và cộng đồng, ở giai đoạn này, Công ty chú trọng phát triển thị trường, phát triển nguồn nhân lực, đồng bộ với các giải pháp tự động hóa, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm nguyên vật liệu, nhiên liệu, bảo vệ môi trường.

2007



Ngày 21/12, Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh miền Bắc tại Hưng Yên được khánh thành, chính thức đưa thương hiệu Nhựa Bình Minh tham gia chinh phục thị trường phía Bắc.

2008

Công ty mua và nắm giữ 29% cổ phần của Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng với mục đích phát triển thương hiệu Nhựa Bình Minh tại miền Trung và Cao nguyên.

2009

Sản phẩm ống PP-R chịu nhiệt được chính thức đưa ra thị trường.
Sản xuất ống PVC-U đường kính lên đến 630 mm.

2010



Là Công ty đầu tiên sản xuất thành công ống HDPE có đường kính 1.200 mm lớn nhất tại Việt Nam.

Ký hợp đồng thuê hơn 155.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc 2, huyện Bến Lức, tỉnh Long An cho dự án xây dựng Nhà máy Nhựa Bình Minh Long An.

2011

Tham gia góp 26% vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt nhằm chuyển đổi công năng khu đất tại trụ sở chính Công ty khi có chủ trương di dời của Nhà nước.

2012

Áp dụng Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001.
Triển khai dự án công nghệ thông tin "Hoạch định tổng thể nguồn lực doanh nghiệp (ERP) – Enterprise Resource Planning".

THÔNG TIN CHUNG



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (tt)



Chứng nhận hợp quy cho các sản phẩm theo quy chuẩn của Bộ Xây dựng.
Tăng vốn điều lệ lên **454.784.800.000 đồng**.



Ngày 18/11, khánh thành Nhà máy Nhựa Bình Minh Long An.
Triển khai thành công 05 phân hệ ERP tại Công ty, các chi nhánh và công ty con.



Khởi công xây dựng giai đoạn II Nhà máy Nhựa Bình Minh Long An.
Đầu tư tăng 50% công suất sản xuất phụ tùng ống.
Tham gia chương trình Thương hiệu quốc gia lần thứ 5 liên tiếp từ 2008 đến 2016.
Đạt giải thưởng Hàng Việt Nam chất lượng cao lần thứ 20 liên tiếp từ 1997 đến 2016.



Được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhất (lần thứ 2).
Khánh thành giai đoạn hai nhà máy BMLA.
Áp dụng thành công hệ phụ gia không kim loại nặng trong sản xuất ống và phụ tùng ống PVC-U.
Ra mắt dòng sản phẩm mới phụ tùng PP-R.
Nghiệm thu Hệ thống quản trị ERP.
Tham gia Giải thưởng Chất lượng Việt Nam.
Chuyển đổi thành công phiên bản Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000-2015 và Hệ thống quản lý môi trường ISO 14000-2015
Tăng vốn điều lệ lên **818.609.380.000 đồng**
Đạt Giải Vàng Chất lượng Quốc gia.



THÔNG TIN CHUNG



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (tt)



Trở thành Công ty thành viên thuộc Tập đoàn SCG Thái Lan - một tập đoàn công nghiệp hàng đầu Đông Nam Á. Tiếp cận một tập đoàn lớn với nhiều kinh nghiệm và công nghệ quản trị hiện đại, Nhựa Bình Minh có điều kiện rất thuận lợi để trao đổi, hợp tác, nâng cao năng lực và hiệu quả trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh tại Việt Nam.

Đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương.



Tiến hành triển khai tái cấu trúc tổ chức Công ty và tái cấu trúc hệ thống phân phối theo hướng năng động và phù hợp hơn trong môi trường cạnh tranh.

Được vinh danh là doanh nghiệp có môi trường Làm Việc Tốt Nhất Châu Á 2019 do tạp chí HR Asia công bố.



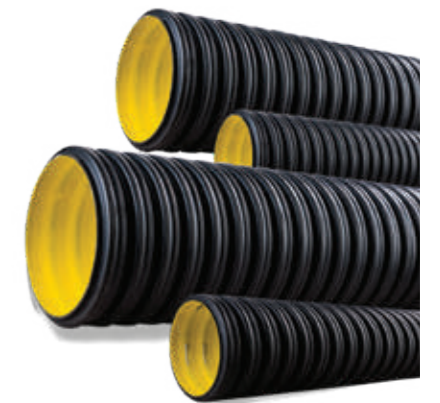
THÔNG TIN CHUNG



2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Nhựa Bình Minh là doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hàng đầu và có uy tín tại Việt Nam về các sản phẩm ống nhựa và phụ tùng ống nhựa các loại, phục vụ cho ngành cấp thoát nước, bưu chính viễn thông, điện lực, xây dựng công nghiệp và dân dụng.



THÔNG TIN CHUNG



2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH (tt)

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Nhựa Bình Minh có địa bàn sản xuất kinh doanh nội địa trên cả nước.

Nhựa Bình Minh chiếm khoảng 43% thị phần ống nhựa và phụ tùng tại khu vực miền Nam, khoảng 5% thị phần ống nhựa và phụ tùng tại khu vực miền Bắc, và chiếm khoảng 28% thị phần ống nhựa trong cả nước (theo nguồn SCG Research).

Thông qua mạng lưới phân phối của tập đoàn SCG, một số sản phẩm của Nhựa Bình Minh đã bước đầu thâm nhập vững chắc vào các nước Đông Nam Á.

Các nhà máy sản xuất

Hiện nay, Công ty có 4 nhà máy sản xuất tại TP. HCM, Bình Dương, Long An và Hưng Yên với công suất 150.000 tấn/năm, đáp ứng nhu cầu cung ứng hàng hóa cho thị trường cả nước, đẩy mạnh nghiên cứu phát triển, đa dạng hóa chủng loại và kích thước sản phẩm.

Hệ thống phân phối sản phẩm

Sau hơn 43 năm hình thành và phát triển, hệ thống phân phối sản phẩm của Nhựa Bình Minh ngày càng mở rộng. Tính đến cuối năm 2019, Công ty có gần 1.900 cửa hàng rộng khắp trên cả nước đảm bảo cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo yêu cầu của khách hàng. Ngoài ra, Công ty còn tham gia vào các dự án lớn trọng điểm quốc gia, là đơn vị cung cấp sản phẩm ống nhựa cho các doanh nghiệp ngành cấp nước, xây dựng...



NHÀ MÁY NHỰA BÌNH MINH SÀI GÒN



CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC



NHÀ MÁY NHỰA BÌNH MINH BÌNH DƯƠNG



NHÀ MÁY NHỰA BÌNH MINH LONG AN

THÔNG TIN CHUNG



2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH (tt)

DANH MỤC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

Nhóm ống và phụ tùng ống PVC-U

Ống và phụ tùng nối ống PVC-U cứng đường kính từ 20 mm đến 630 mm, dùng cho ngành nước và tuyến cáp ngầm phù hợp tiêu chuẩn ISO 1452-2:2009 (TCVN 8491:2011), được chứng nhận hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 16:2017/BXD bao gồm:

- Ống và phụ tùng ống nhựa PVC -U hệ inch và hệ mét.
- Ống PVC-U hệ CIOD có đường kính ngoài tương thích với ống và phụ tùng ống gang chịu áp.

Các loại ống này thích hợp dùng trong những hệ thống dẫn nước như:

- Hệ thống dẫn nước sinh hoạt.
- Hệ thống dẫn nước và tưới tiêu trong nông nghiệp.
- Hệ thống ống dẫn trong công nghiệp.
- Hệ thống thoát nước thải, nước mưa...

Ống và phụ tùng PVC-U được dùng để bảo vệ tuyến cáp ngầm trong các hệ thống như: Hệ thống cáp ngầm bư điện (cáp sợi quang, cáp đồng...), hệ thống cáp ngầm điện lực (cáp điện...).



Nhóm ống và phụ tùng ống HDPE

Ống và phụ tùng ống nhựa HDPE có đường kính từ 16 mm đến 1.200 mm được sản xuất từ hợp chất nhựa Polyethylene tỷ trọng cao PE100, theo tiêu chuẩn ISO 4427:2007 (TCVN 7305:2008), được chứng nhận hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 16:2017/BXD thích hợp dùng cho các ứng dụng:

- Hệ thống dẫn nước sinh hoạt.
- Hệ thống dẫn nước và tưới tiêu trong nông nghiệp.
- Hệ thống ống dẫn trong công nghiệp.
- Hệ thống thoát nước thải, nước mưa, .v.v...

Ống và phụ tùng ống gân thành đôi HDPE đường kính từ 110 mm đến 500 mm được sản xuất từ hợp chất nhựa Polyethylene tỷ trọng cao (HDPE), thích hợp dùng cho các ứng dụng:

- Hệ thống ống thoát nước cho xa lộ.
- Hệ thống ống thoát nước cho sân golf.
- Hệ thống ống thoát nước dân dụng.
- Hệ thống ống thoát nước và xử lý nước thải công nghiệp.
- Hệ thống ống lọc và lấy nước thải.
- Hệ thống ống bảo vệ cáp ngầm.



THÔNG TIN CHUNG



2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH (tt)

DANH MỤC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

Nhóm ống và phụ tùng ống PP-R

Ống và phụ tùng ống PP-R đường kính từ 20 mm đến 160 mm được sản xuất từ hợp chất nhựa Polypropylene Copolymer, PP-R80, theo tiêu chuẩn DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09 và tiêu chuẩn TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013 được chứng nhận hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 16:2017/BXD thích hợp cho các ứng dụng:

- Hệ thống ống dẫn nước nóng đến 95°C và nước lạnh dùng trong sinh hoạt và công nghiệp.
- Hệ thống vận chuyển dung dịch thực phẩm ở nhiệt độ cao và thấp.
- Hệ thống dẫn sưởi ấm sàn nhà.



Nhóm các sản phẩm khác

Bình xịt sử dụng trong nông nghiệp các loại 1 lít, 5 lít, 10 lít sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN 5931:1995 dùng để tưới cây cảnh hoặc phun thuốc trừ sâu. Với bình xịt 10 lít, sản phẩm đã được chứng nhận hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-182:2015/BNNPTNT, phù hợp cho sử dụng phun thuốc trừ sâu trong nông nghiệp.

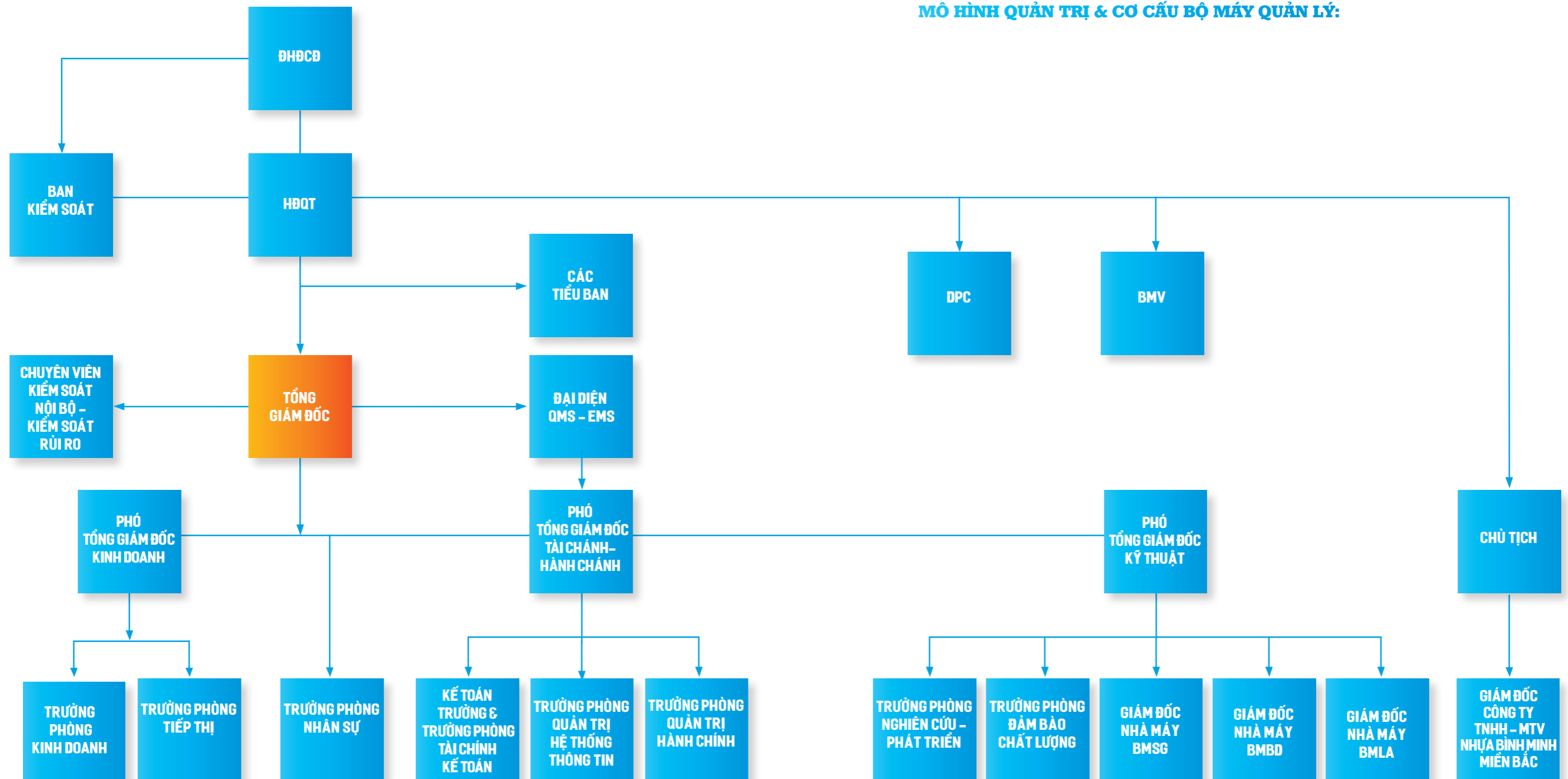


THÔNG TIN CHUNG



3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ & CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ:



THÔNG TIN CHUNG



3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (tt)

CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT



CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC (NBM) CÔNG TY CON

NBM được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0504000211 ngày 18/9/2006 tại đường D1 khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên do BMP đầu tư 100% vốn. Công ty chuyên sản xuất kinh doanh ống nhựa và phụ tùng ống nhựa PVC-U, HDPE, PPR các loại.

NBM chính thức đi vào hoạt động từ ngày 21/12/2007. Vốn điều lệ hiện nay là 155 tỷ đồng. Công ty được trang thiết bị hiện đại, nhà xưởng được xây dựng mới đồng bộ với tổng diện tích 40.000 m², năng lực sản xuất 40.000 tấn/năm.

Đường D1, Khu D, Khu Công nghiệp Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

VỐN ĐIỀU LỆ
155 TỶ VNĐ
NHỰA BÌNH MINH
SỞ HỮU
100%



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN BÌNH MINH VIỆT CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty được thành lập với vốn điều lệ 6 tỷ đồng, nhằm mục đích thực hiện dự án chuyển đổi công năng khu đất tại địa chỉ 240 Hậu Giang, phường 9, quận 6, TP. HCM khi Nhựa Bình Minh phải di dời Nhà máy 1 theo chủ trương của Nhà nước. Tháng 12/2016, Bình Minh Việt đã tăng vốn đầu tư là 210.000.000.000 đồng. Trong đó, BMP đã góp 53.040.000.000 đồng tương ứng với tỷ lệ sở hữu 26%.

Số 240 Hậu Giang, phường 9, quận 6, TP. HCM

VỐN ĐIỀU LỆ
210 TỶ VNĐ
NHỰA BÌNH MINH
SỞ HỮU
26%



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐÀ NẴNG (DPC) CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng được thành lập năm 1976, cổ phần hóa năm 2000 và niêm yết năm 2001. Hiện nay, cổ phiếu DPC đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Công ty có trụ sở và nhà máy sản xuất tại 371 Trần Cao Vân, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng. Công ty chuyên sản xuất và kinh doanh ống nhựa PVC-U, HDPE, bao bì các loại.

Năm 2008, BMP mua và nắm giữ 29% cổ phần, trên tổng vốn điều lệ 22,4 tỷ đồng, trở thành đối tác chiến lược của DPC với mục đích cùng liên kết phát triển thương hiệu Nhựa Bình Minh tại khu vực miền Trung và Cao nguyên.

Hiện nay DPC là tổng kho của Nhựa Bình Minh, chịu trách nhiệm phân phối sản phẩm cho thị trường miền Trung và Cao nguyên. Trong năm 2019, DPC đã khởi công xây dựng nhà máy mới tại Khu Công nghiệp Liên Chiểu, Đà Nẵng.

371 Trần Cao Vân, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

VỐN ĐIỀU LỆ
22,4 TỶ VNĐ
NHỰA BÌNH MINH
SỞ HỮU
29%

THÔNG TIN CHUNG



4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN - CHIẾN LƯỢC TỪ 2020-2024:

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TỪ 2020-2024:

- ▶ Trở thành Công ty dẫn đầu thị phần sản lượng tiêu thụ tại Việt Nam và nằm trong top 3 công ty dẫn đầu về thị phần tại Đông Nam Á.
- ▶ Thành công trong vận hành hoàn hảo toàn bộ chuỗi cung ứng thông qua ứng dụng mô hình quản lý 5S, sản xuất tinh gọn, ứng dụng tự động hóa với công nghệ hiện đại.
- ▶ Duy trì vị trí top 50 nơi làm việc hạnh phúc nhất Việt Nam.

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY ĐẾN NĂM 2024:

- ▶ Sản lượng tiêu thụ: 130.000 tấn.
- ▶ Thị phần: Chiếm 30% thị phần tiêu thụ tại Việt Nam.
- ▶ Triển khai mô hình quản lý 5S cho tất cả nhân viên và bộ phận ở mức độ 100%.
- ▶ Triển khai hệ thống quản trị năng lực nhân viên để áp dụng các chương trình đào tạo, huấn luyện nâng cao năng lực và phát triển sự nghiệp cho 100% nhân viên.
- ▶ Triển khai khảo sát định kỳ sự hài lòng của nhân viên trong môi trường làm việc của BMP: Đạt 95% mức độ hài lòng.



THÔNG TIN CHUNG



4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN - CHIẾN LƯỢC TỪ 2020-2024: (tt)

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN KẾ HOẠCH NGẮN HẠN VÀ TRUNG HẠN CỦA CÔNG TY:

Đối với sản xuất kinh doanh

- ▶ Tăng cường các biện pháp tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước và xử lý nước thải.
- ▶ Cải tiến quy trình sản xuất, lắp đặt các thiết bị hiện đại nhằm tăng năng suất, tiết kiệm nguyên liệu và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.
- ▶ Tuân thủ các quy tắc đạo đức trong kinh doanh.
- ▶ Chống hàng giả, hàng nhái.

Đối với người lao động

- ▶ Đánh giá môi trường làm việc hằng năm để có các biện pháp cải tiến kịp thời.
- ▶ Duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động chăm sóc sức khỏe, đời sống cho người lao động.
- ▶ Cử người lao động tham gia các khóa đào tạo trong và ngoài nước nhằm nâng cao chuyên môn đáp ứng được nhu cầu phát triển của Công ty.
- ▶ Nâng cao nhận thức của người lao động đối với việc tiết kiệm năng lượng và gìn giữ môi trường.

Đối với môi trường

- ▶ Áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn mới nhất.
- ▶ Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và các yêu cầu khác về môi trường.
- ▶ Xây dựng hệ thống quan trắc và quản lý môi trường, giám sát đánh giá tác động đến môi trường.
- ▶ Xác định và đánh giá các rủi ro ô nhiễm môi trường để từ đó có các biện pháp kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm, đồng thời áp dụng phân loại rác thải tại nguồn.
- ▶ Xây dựng đội ngũ và quy trình sẵn sàng ứng phó với các tình huống khẩn cấp.

Đối với cộng đồng

- ▶ Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng nhằm xây dựng hình ảnh doanh nghiệp thân thiện, có trách nhiệm với môi trường.
- ▶ Duy trì các hoạt động từ thiện thường xuyên như hiến máu nhân đạo, phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng, bố mẹ liệt sĩ, thương binh nặng, ủng hộ ngày lương cho quỹ hỗ trợ khó khăn
- ▶ Nâng cao ý thức của người lao động đối với các hoạt động nhân đạo, từ thiện.

THÔNG TIN CHUNG



5. CÁC RỦI RO CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TY:

RỦI RO VỀ PHÁP LUẬT VÀ TUÂN THỦ



Tuân thủ luật pháp là một phần trong văn hóa quản trị của Nhựa Bình Minh và được cụ thể trong từng quy định, thống nhất trong toàn Công ty. Hệ thống văn bản pháp luật, các quy định ngành, các hướng dẫn thực hiện của cơ quan thuế thường xuyên thay đổi sẽ dẫn đến những rủi ro vi phạm nếu không am hiểu tường tận các quy định này.

RỦI RO VỀ THỊ TRƯỜNG



Trong bối cảnh thị trường vật liệu xây dựng ngày càng cạnh tranh khốc liệt, Nhựa Bình Minh không những khó khăn để giữ vững mà còn phải đối mặt với rủi ro mất thị phần hiện có nếu chiến lược Công ty không đúng đắn và hiệu quả.

Áp lực tăng trưởng hàng năm có thể sẽ buộc Công ty phải bán được hàng bằng mọi giá, gây ra rủi ro làm rối loạn chính sách và mất kiểm soát hệ thống bán hàng.

RỦI RO VỀ TỶ GIÁ



Rủi ro về tỷ giá là một trong những ảnh hưởng lớn đến chi phí của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất. Do nguyên liệu chiếm khoảng 60 – 70% tổng chi phí tại Nhựa Bình Minh nên chỉ cần biến động tỷ giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí đầu vào. Cho dù hiện nay Công ty sử dụng chủ yếu nguyên liệu từ nguồn cung cấp trong nước nhưng vẫn chịu ảnh hưởng “bắc cầu” do giá nguyên liệu đầu vào của các Nhà cung ứng vẫn phải nhập khẩu.

RỦI RO DO MÔI TRƯỜNG KINH TẾ



Hiện nay Việt Nam là một trong những nước có độ mở của nền kinh tế lớn nên mức độ liên thông với kinh tế thế giới cũng rất lớn. Vì vậy, khủng hoảng kinh tế, lạm phát... trên thế giới sẽ ảnh hưởng nhanh và trực tiếp đến kinh tế trong nước, đặc biệt là ngành vật liệu xây dựng.

RỦI RO DO BIẾN ĐỘNG CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO



Tỷ giá, giá bán, chi phí vận chuyển, nhân công, nguồn cung cấp nguyên vật liệu,... không ổn định, ảnh hưởng đến chi phí, lợi nhuận và kế hoạch sản xuất.

RỦI RO VỀ CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH



Sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Các đối thủ không ngần ngại giành giật khách hàng và thị phần của Nhựa Bình Minh với đủ các chiêu trò, từ chính sách chiết khấu đến cả nói xấu, tung tin đồn thất thiệt...

RỦI RO TỪ NHÀ CUNG ỨNG



Nguyên liệu cho ngành nhựa chủ yếu phải nhập khẩu từ nước ngoài tới 80%, nguồn cung trong nước hạn chế. Công nghiệp hóa dầu của Việt Nam còn non trẻ, sản phẩm của ngành chưa đáp ứng được về cả chủng loại cũng như sản lượng, khả năng tự chủ được nguồn nguyên liệu của ngành nhựa trong nước sẽ chưa thể cải thiện trong tương lai gần mặc dù các dự án phát triển hóa dầu đã được triển khai.

RỦI RO TỪ NGUY CƠ HÀNG GIẢ, HÀNG NHÁI THƯƠNG HIỆU



Tính hiệu lực và răn đe của các cơ quan bảo vệ pháp luật trước nạn hàng giả hàng nhái thương hiệu BMP còn rất thấp, chưa bảo vệ được những nhà sản xuất chân chính (như trường hợp của BMP trong vài năm qua) dẫn đến tình trạng hàng giả hàng nhái nhãn hiệu BMP trên thị trường có nguy cơ rất cao, đe dọa nghiêm trọng không chỉ về doanh thu, lợi nhuận mà còn về niềm tin của người tiêu dùng đối với sản phẩm của BMP.

S2

SẮP XẾP



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Từ đầu năm 2019, Nhựa Bình Minh đã thực hiện nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm thông qua các chương trình chiết khấu thương mại hỗ trợ hệ thống phân phối. Giải pháp này góp phần chủ yếu để đạt được kết quả doanh thu tăng thêm 5,2% và sản lượng tăng thêm 11,2% so với 2018.



SỐ LIỆU KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2019

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2019	THỰC HIỆN		TỶ LỆ %	
				2019	2018	2019/KH	2019/2018
1	Doanh thu	Tỷ đồng	4.300	4.343	4.130	101	105,2
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	98.500	105.020	94.500	106,6	111,1
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	540	529*	530	98	99,8
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	432	423*	428	97,9	98,8

*Trong năm 2019, theo tư vấn của KPMG, Nhựa Bình Minh đã trích 21 tỷ đồng (ngoài kế hoạch) lập chi phí dự phòng rủi ro thôi việc cho toàn bộ người lao động, dẫn đến lợi nhuận trước thuế và sau thuế đã giảm như bảng trên.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH CẤP CAO:

Quá trình công tác :

- 1988: Nhân viên Kỹ thuật BMP.
- 1992: Trưởng phòng Kỹ thuật BMP.
- 1997: Phó Giám đốc BMP.
- 2004: Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc BMP.
- 2007 - 2010: Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc BMP; Phó Chủ tịch HĐQT - Giám đốc NBM.
- 2010 - 2/2012: Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc BMP; Chủ tịch HĐQT NBM.
- Tháng 3/2012: Phó Chủ tịch HĐQT BMP - Phó Tổng Giám đốc BMP; Chủ tịch HĐQT NBM.
- Tháng 11/2012 - 2014: Phó Chủ tịch HĐQT BMP - Tổng Giám đốc; Chủ tịch HĐQT NBM; Chủ tịch HĐQT DPC.
- 2014-2017: Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc BMP.
- 2018 đến nay : Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc BMP - Chủ tịch NBM.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: **618.550 cổ phần.**

ÔNG NGUYỄN HOÀNG NGÂN

Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1962
Trình độ: Kỹ sư Cơ khí,
Thạc sĩ Quản trị



ÔNG NGUYỄN THANH HẢI

Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh.
Năm sinh: 1971
Trình độ: Kỹ sư Cơ khí,
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

- Năm 1995 - 2000: Nhân viên phòng Kỹ thuật - Công ty Nhựa Bình Minh.
- Năm 2001 - 2002: Phó Quản đốc Xưởng 1 - Công ty Nhựa Bình Minh.
- Năm 2002 - 2005: Phó phòng Tổ chức hành chính - BMP.
- Năm 2006 - 2010: Trưởng phòng Nhân sự - BMP.
- Năm 2011 - 2014: Thành viên HĐQT - Giám đốc NBM.
- Năm 2015 - 2016: Trưởng phòng Tiếp thị - BMP.
- Năm 2017 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh - BMP.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: **21.600 cổ phần.**

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tt)

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH CẤP CAO:



Quá trình công tác :

- 1994: Nhân viên phòng Kỹ thuật – Công ty Nhựa Bình Minh.
- 1997: Phó Phòng Kỹ thuật – Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2000: Quản đốc Xưởng 1 – Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2007: Giám đốc Nhà máy 1 - BMP.
- 2010: Giám đốc Nhà máy 2 - BMP.
- 2013 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật – BMP.

Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: **11.709 cổ phần.**

ÔNG NGUYỄN THANH QUAN

Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật
Năm sinh: 1968
Trình độ : Kỹ sư Hóa, Thạc sĩ
Quản trị kinh doanh



Quá trình công tác:

- 1988: Chuyên viên Phân tích Công ty SCC.
- 1994: Trưởng phòng Kế hoạch sản xuất Công ty SFCC.
- 1996: Trưởng phòng Kinh doanh – Tiếp thị Công ty SFCC.
- 1997: Trưởng phòng Kế hoạch Công ty TPC.
- 2001: Trưởng phòng Bán hàng Công ty TPC.
- 2003: Trưởng phòng Kinh doanh ngành ống Công ty NPI.
- 2005: Trợ lý Giám đốc Công ty Ricken-Thái Lan.
- 2006: Giám đốc Kinh doanh – Tiếp thị Công ty TPC.
- 2010: Giám đốc Thương mại Công ty TPC.
- 2011: Giám đốc Xuất khẩu Công ty SCG.
- 2017: Trợ lý Giám đốc Công ty SCG Viet Nam.
- Từ tháng 08/2018: Phó Tổng Giám đốc Tài chính – Hành chính Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh.

Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: **0 cổ phần.**

ÔNG WISIT RECHAIPICHITGOOL

Thành viên HĐQT
Phó Tổng Giám đốc Tài chính – Hành chính
Năm sinh: 1961
Quốc tịch: Thái Lan
Trình độ: Thạc sĩ Khoa học

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tt)

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH CẤP CAO:

Quá trình công tác :

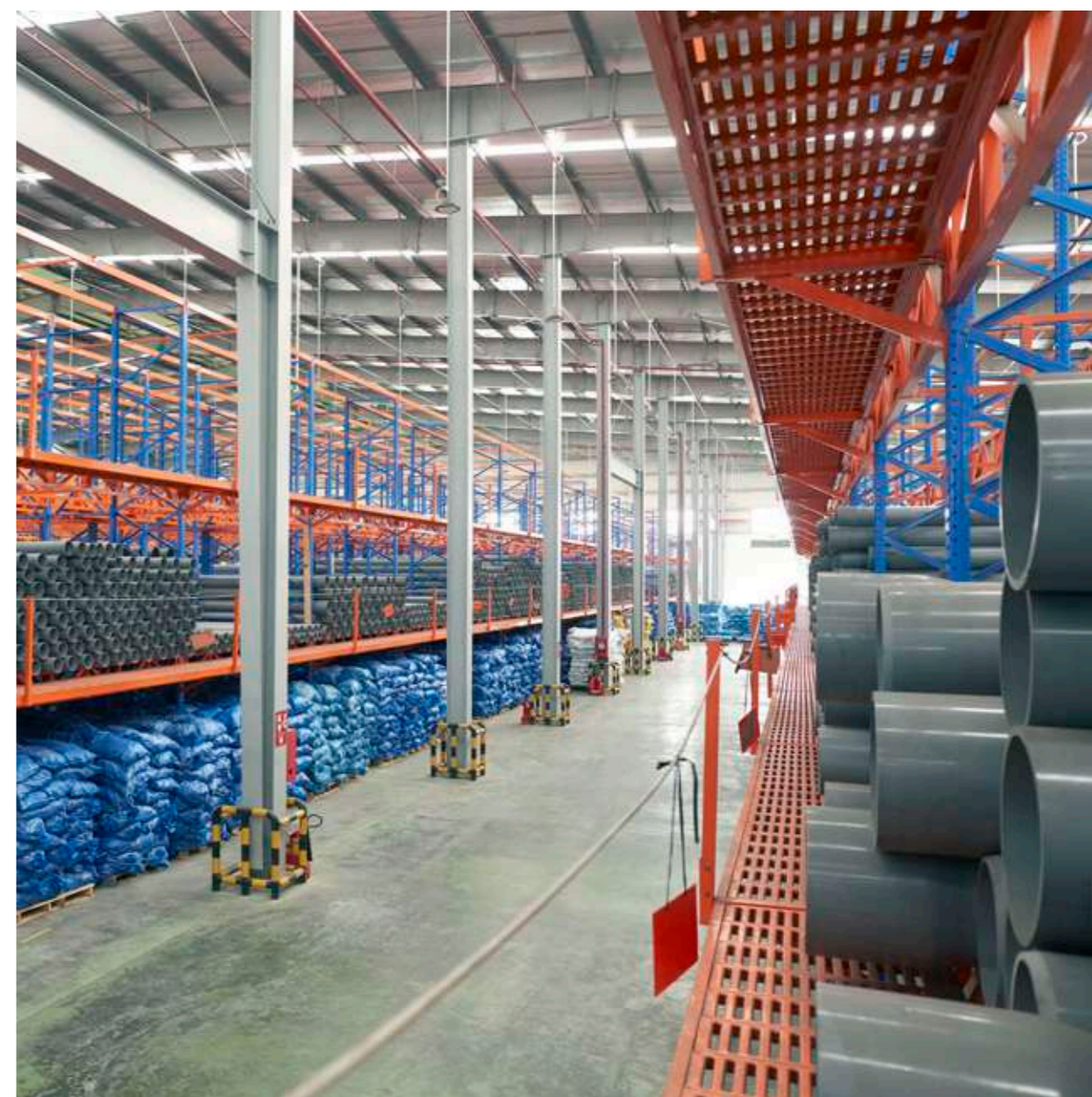
- 1993: Nhân viên phòng Tài chính Kế toán – Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2002: Phó phòng Tài chính Kế toán – Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2006: Phó phòng Tài chính Kế toán BMP; Kế toán trưởng NBM – Thành viên HĐQT NBM.
- 2014 đến 2016: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính Kế toán BMP – Thành viên HĐQT NBM.
- 2017 đến nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính Kế toán BMP – Giám đốc DPC.

Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: **03 cổ phần.**



ÔNG HỒNG LÊ VIỆT

Kế toán trưởng
Năm sinh: 1966
Trình độ: Cử nhân Kinh tế



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tt)

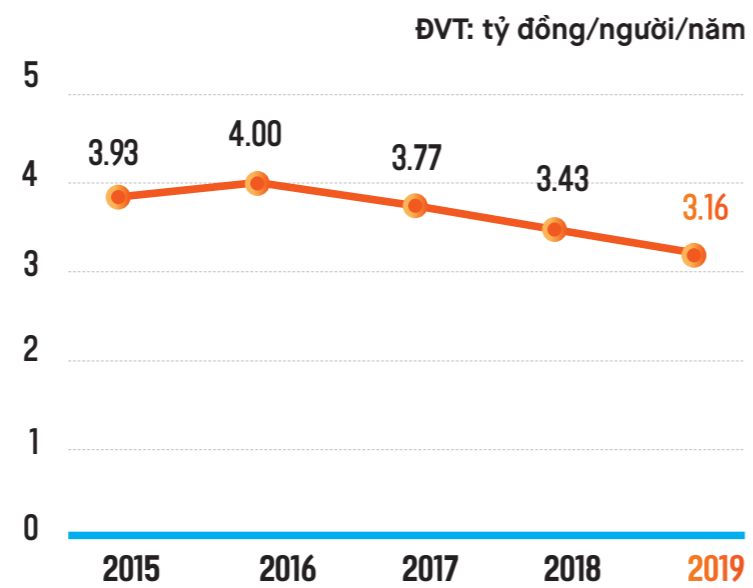
Số lượng cán bộ, nhân viên:

Lao động bình quân năm 2018 là: 1.203 người.

Lao động bình quân năm 2019 là: 1.374 người.

Năng suất lao động:

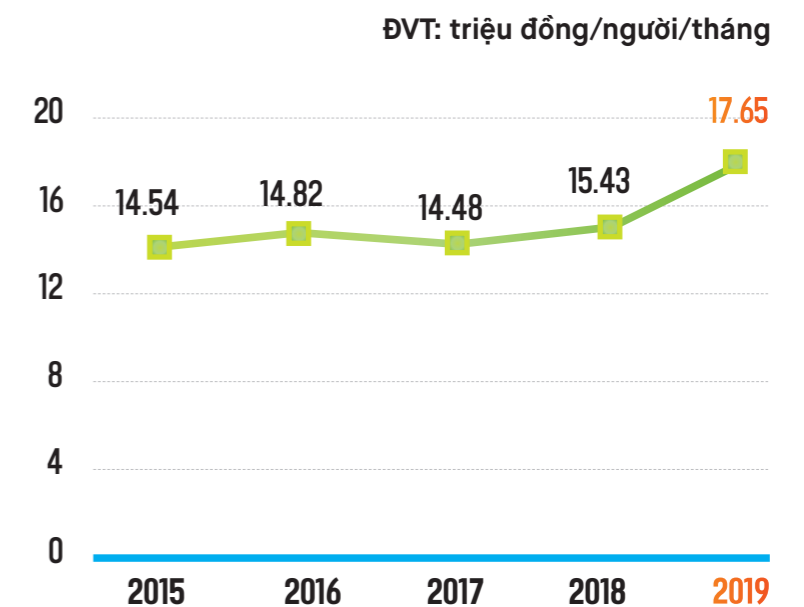
BIỂU ĐỒ NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG BÌNH QUÂN



Năm 2019, để tăng mức độ an toàn cho môi trường làm việc, Nhựa Bình Minh đã ứng dụng công nghệ robot vào trong sản xuất. Tuy nhiên, do chỉ mới ở giai đoạn đầu thử nghiệm nên năng suất lao động chưa cao nhưng bước đầu đã giảm bớt sức lao động cho công nhân và tạo ra môi trường làm việc hiện đại, an toàn, thân thiện.

Lương của người lao động:

BIỂU ĐỒ LƯƠNG BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG



Chính sách thu hút và giữ chân nhân tài, đảm bảo khả năng cạnh tranh trên thị trường lao động luôn là chỉ tiêu quan trọng cho sự phát triển của Công ty. Do đó, mức lương bình quân của người lao động qua các năm đều tăng với mức tăng bình quân là hơn 5%.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

A. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Sau giai đoạn mở rộng năng lực sản xuất năm 2017, BMP đã đáp ứng công suất thiết kế 150.000 tấn/năm. Tuy nhiên, trong điều kiện thị trường ngày càng nhiều đối thủ cạnh tranh, nguồn cung dư thừa so với năng lực sản xuất, BMP chưa có kế hoạch mở rộng thêm. Do đó, trong năm 2019, BMP chỉ đầu tư vào hạng mục thiết bị với tổng giá trị 236 tỷ đồng.



B. CÁC CÔNG TY CON - CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh Miền Bắc (NBM):

S TT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN		KẾ HOẠCH 2019	TỶ LỆ SO SÁNH %	
		2018	2019		TH 2018	KH 2019
1	Doanh thu (tỉ đồng)	365	306	400	83,8	76,5
2	Sản lượng tiêu thụ (tấn)	7.700	6.776	9.300	88	72,9
3	Lợi nhuận trước thuế (tỉ đồng)	44	31	24	72	130

Năm 2019, NBM vẫn còn gặp nhiều khó khăn khi thâm nhập thị trường Miền Bắc làm cho doanh số, sản lượng tiêu thụ đều thấp hơn so với kế hoạch đề ra. Kết quả là lợi nhuận trước thuế giảm 28% so với năm 2018.

Công ty cổ phần Nhựa Đà Nẵng (DPC):

S TT	CHỈ TIÊU	NĂM		TỶ LỆ SO SÁNH %
		2018	2019	
1	Doanh thu (tỉ đồng)	66	81	123%
2	Lợi nhuận trước thuế (tỉ đồng)	2,7	7,3	270%

Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt (BMV):

Hiện công ty đang trong quá trình đàm phán với các cổ đông để thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động theo Nghị quyết ĐHCĐ năm 2017.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

A. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÀI SẢN, NGUỒN VỐN

CHỈ TIÊU	2018	2019	Tỷ trọng	
			2018	2019
Tài sản ngắn hạn	1.807	1.502	64%	53%
Tiền và các khoản tương đương tiền	412	314	15%	11%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	200	376	7%	13%
Các khoản phải thu	599	357	21%	13%
Hàng tồn kho	567	454	20%	16%
Tài sản ngắn hạn khác	28	1	1%	0%
Tài sản dài hạn	1.006	1.348	36%	47%
Tài sản cố định	871	668	31%	23%
Đầu tư tài chính dài hạn	68	369	2%	13%
Tài sản dài hạn khác	67	311	2%	11%
TỔNG TÀI SẢN	2.812	2.850	100%	100%
Nợ phải trả	359	381	13%	13%
Nợ ngắn hạn	359	358	13%	13%
Nợ dài hạn	-	23	0%	1%
Vốn chủ sở hữu	2.454	2.469	87%	87%
TỔNG NGUỒN VỐN	2.812	2.850	100%	100%

Nguồn: Báo cáo tài chính BMP đã được kiểm toán 2019

Tại thời điểm cuối năm 2019, tổng tài sản của BMP tăng 1,3% so với đầu năm, trong đó tài sản ngắn hạn giảm 305 tỷ, chiếm tỷ trọng 53% trong cơ cấu tài sản. Ngược lại, tài sản dài hạn tăng 343 tỷ, chiếm tỷ trọng 47% trong cơ cấu tài sản. Sự chuyển dịch từ tài sản ngắn hạn sang dài hạn do công ty cân đối được dòng tiền ngắn hạn và dài hạn để tận dụng được giá trị thặng dư



tăng thêm từ nguồn tiền nhàn rỗi. Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn 2019, tỷ trọng nợ phải thu, hàng tồn kho đều giảm so với năm trước nhằm tăng hiệu quả sử dụng vốn lưu động.

Cơ cấu vốn chủ sở hữu và nợ phải trả trong tổng nguồn vốn không thay đổi so với năm ngoái. Tuy nhiên, cuối năm 2019, tổng nợ phải trả tăng do Công ty trích lập thêm quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tt)

KẾT QUẢ KINH DOANH

CHỈ TIÊU	2018 (tỷ đồng)	2019 (tỷ đồng)	Tỷ trọng so với doanh thu		Tăng trưởng
			2018	2019	
Doanh thu	4.130	4.343			5%
Các khoản giảm trừ	210	6	5%	0%	-97%
Doanh thu thuần	3.920	4.337	95%	100%	11%
Giá vốn hàng bán	3.048	3.349	74%	77%	10%
Lợi nhuận gộp	872	988	21%	23%	13%
Doanh thu hoạt động tài chính	25	37	1%	1%	48%
Chi phí tài chính	105	111	3%	3%	5%
Chi phí bán hàng	166	270	4%	6%	63%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	98	117	2%	3%	19%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	528	527	13%	12%	0%
Thu nhập khác	2	2	0%	0%	12%
Lợi nhuận trước thuế	530	529	13%	12%	0%
Lợi nhuận sau thuế	428	423	10%	10%	-1%

Doanh thu tăng trưởng 5% nhưng lợi nhuận trước thuế không thay đổi so với năm trước do chi phí các yếu tố đầu vào nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tăng, kéo theo biên lợi nhuận gộp của hàng sản xuất giảm. Tổng chi phí bán hàng và quản lý giảm 17%, tương ứng 81 tỷ đồng cho thấy sự nỗ lực của Ban Điều hành trong việc quản trị chi phí hoạt động hiệu quả.

Doanh thu hoạt động tài chính tăng mạnh cụ thể là đầu tư vào các khoản tiền gửi kỳ hạn tăng 12 tỷ đồng, tương ứng 48% so với năm trước. Tổng giá trị đầu tư vào các khoản này từ 200 tỷ lên đến 922 tỷ so với năm trước do công ty quản trị được dòng tiền cần chi khi đến hạn hoặc phát sinh để tranh thủ tối đa dòng tiền nhàn rỗi.

TỶ SUẤT SINH LỢI

CHỈ TIÊU	2019	2018	2017	2016	2015
Biên lợi nhuận gộp	22,8%	22,2%	24,1%	32,1%	31,9%
Biên lợi nhuận trước thuế	12,2%	13,5%	15,2%	23,7%	23,8%
Biên lợi nhuận sau thuế	9,7%	10,9%	12,1%	19,0%	18,6%
ROA	14,9%	15,0%	16,1%	23,5%	23,8%
ROE	17,2%	17,4%	19,6%	29,1%	27,8%

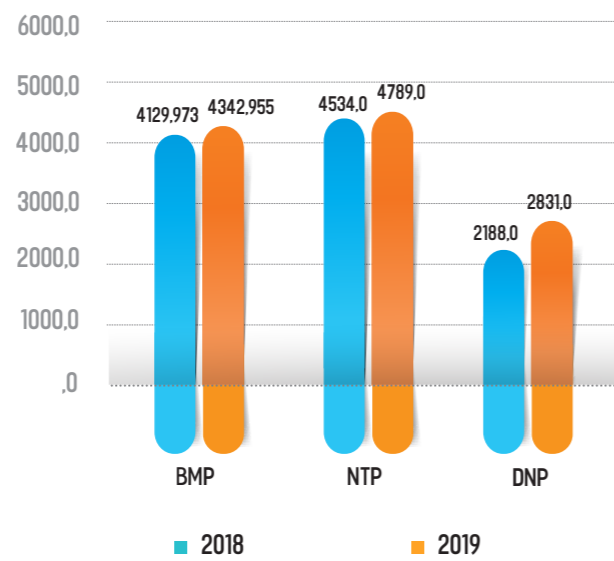
Mặc dù doanh thu tăng nhưng một số chi phí cũng tăng, cụ thể khoản trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc 23 tỷ đồng đã ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận làm cho lợi nhuận chỉ đạt được tương đương năm trước. Kết quả là biên lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều giảm so với năm trước. Các chỉ số sinh lợi trên tổng tài sản và vốn chủ sở hữu cũng giảm nhẹ so với năm trước. Mặc dù, tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận không cùng tốc độ tăng doanh thu nhưng để đạt được kết quả này là sự nỗ lực rất lớn của Ban điều hành khi mà cuộc chiến giành giật thị phần ngày càng khốc liệt giữa các doanh nghiệp trong ngành.

**TÌNH HÌNH
HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM**

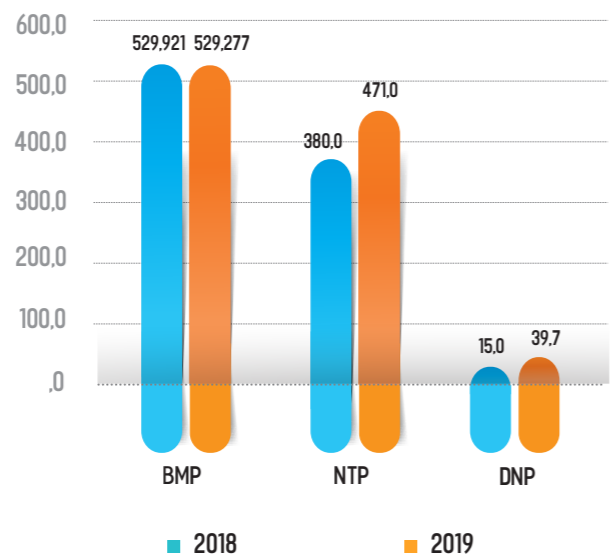


4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tt)

DOANH THU CÁC DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH 2018 – 2019



LỢI NHUẬN CÁC DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH 2018 – 2019



Năm 2019, BMP vẫn giữ vững vị trí dẫn đầu về chỉ tiêu lợi nhuận so với các công ty niêm yết cùng ngành. Để đạt được điều này, phải kể đến công tác quản trị chi phí hoạt động và sản xuất hiệu quả của BMP trong bối cảnh thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tt)

B. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU:

CHỈ TIÊU	2015	2016	2017	2018	2019
Kết quả hoạt động kinh doanh (tỷ đồng)					
Doanh thu (tỷ đồng)	2.970	3.678	4.057	4.130	4.343
Doanh thu thuần	2.792	3.309	3.825	3.920	4.337
Lợi nhuận gộp	890	1.061	923	872	988
Chi phí hoạt động	222	282	260	264	387
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	668	779	663	608	601
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	(1,2)	7,5	(73,4)	(80,4)	(73,8)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	(2,0)	(2,3)	(6,9)	0,9	0,7
Lợi nhuận được chia từ Công ty liên kết	-	0,5	0,5	1,1	1,5
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	665	784	583	530	529
Lợi nhuận sau thuế	519	627	465	428	423
Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)					
Tổng tài sản (tỷ đồng)	2438	2891	2872	2812	2850
Vốn điều lệ	455	455	819	819	819
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	2015	2297	2449	2454	2469
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu					
Biên lợi nhuận gộp	31,9%	32,1%	24,1%	22,2%	22,8%
Biên lợi nhuận trước thuế	23,8%	23,7%	15,2%	13,5%	12,2%
ROS	18,6%	18,9%	12,2%	10,9%	9,8%
ROA	23,8%	23,5%	16,1%	15,0%	14,9%
ROE	27,8%	29,1%	19,6%	17,4%	17,2%

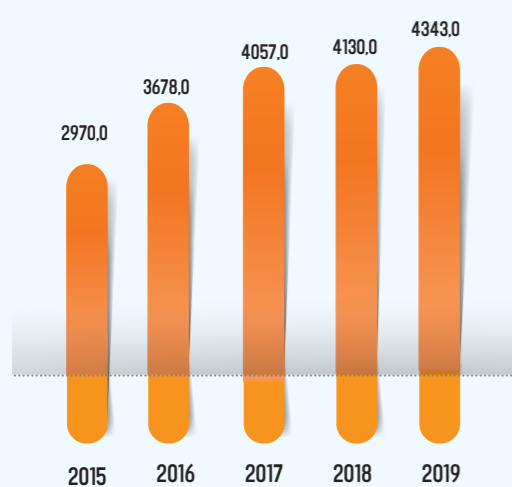


**TÌNH HÌNH
HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM**

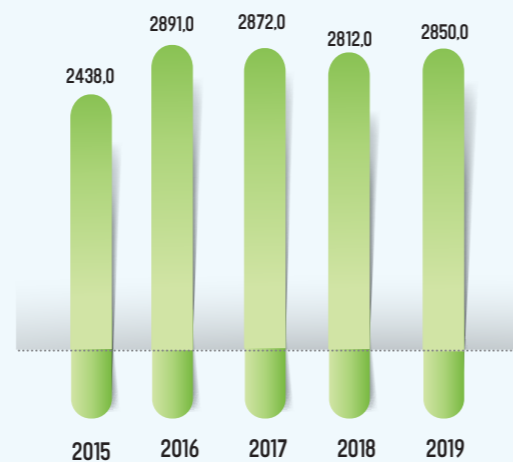


4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tt)

DOANH THU (TỶ ĐỒNG)



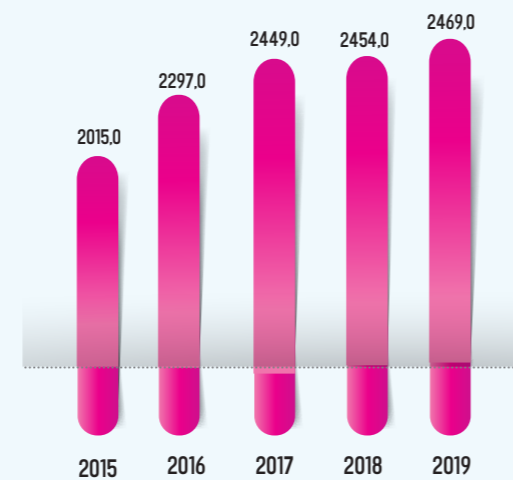
TỔNG TÀI SẢN (TỶ ĐỒNG)



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (TỶ ĐỒNG)



VỐN CHỦ SỞ HỮU (TỶ ĐỒNG)



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU:

A. CỔ PHẦN

	Tại 31/12/2018	Tại 31/12/2019
Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành	81.860.938	81.860.938
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	81.848.968	81.848.968
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	11.970	11.970

B. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	THỜI ĐIỂM 31/12/2018		THỜI ĐIỂM 31/12/2019	
	SỐ CP NĂM GIỮ	TỶ LỆ %	SỐ CP NĂM GIỮ	TỶ LỆ %
Cổ đông Nhà nước	19.983	0,024%	19.983	0,024%
Hội đồng quản trị	618.550	0,756%	618.550	0,756%
Ban Kiểm soát	14.040	0,017%	14.040	0,017%
Cá nhân trong nước	15.534.784	18,977%	13.885.388	16,962%
Tổ chức trong nước	2.722.535	3,326%	1.432.748	1,751%
Cá nhân nước ngoài	510.031	0,623%	635.608	0,776%
Tổ chức nước ngoài	62.441.015	76,277%	65.254.621	79,714%
TỔNG CỘNG	81.860.938	100,00%	81.860.938	100,00%

Thông tin về cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên tại thời điểm 31/12/2019:

STT	TÊN ĐƠN VỊ	LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ CP NĂM GIỮ	TỶ LỆ
1	FRANKLIN TEMPLETON INVESTMENT FUNDS- TEMPLETON FRONTIER MARKETS FUND	Tổ chức Nước ngoài	4.738.652	5,789%
2	NAWAPLASTIC INDUSTRIES CO., LTD.	Tổ chức Nước ngoài	44.525.911	54,392%

C. TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU: Không có

D. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: Không có

E. CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: Không có

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

6.1 QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất chính:

Năm 2019, tổng lượng nguyên vật liệu được toàn Công ty sử dụng là 110.560 tấn.

Trong đó, BMP sử dụng: 105.830 tấn và NBM là 4.730 tấn.

Các loại nguyên liệu chính được sử dụng gồm nhựa PVC, HDPE, PP... được mua từ những nhà sản xuất nổi tiếng trên thế giới như: TPC Vina, AGC VN, Borouge, Sabic, Basell... Những nhà sản xuất nguyên liệu này đều tuân thủ hoạt động quản lý chất lượng theo ISO 9001 và quản lý môi trường theo ISO 14001.

b. Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được sử dụng tái chế để sản xuất sản phẩm:

Các loại sản phẩm Nhựa Bình Minh chỉ được sản xuất từ nguyên liệu chính phẩm và một phần rất nhỏ phế liệu phát sinh trong quá trình sản xuất tại Công ty, không sử dụng nguyên vật liệu tái chế mua ngoài.

Điều này góp phần hạn chế tối đa sự phát sinh phế liệu trong quá trình sản xuất tại Nhựa Bình Minh.

Toàn bộ sản phẩm Nhựa Bình Minh đã sử dụng hoàn toàn hệ phụ gia mới, không chứa kim loại nặng, đảm bảo an sức khỏe toàn cho người sử dụng, thân thiện với môi trường.

Tổ chức WRAS (Anh Quốc) đã cấp chứng nhận: Sản phẩm ống Nhựa Bình Minh được sản xuất từ nguyên vật liệu phù hợp cho dẫn nước uống và nước sinh hoạt đạt chuẩn quốc tế.

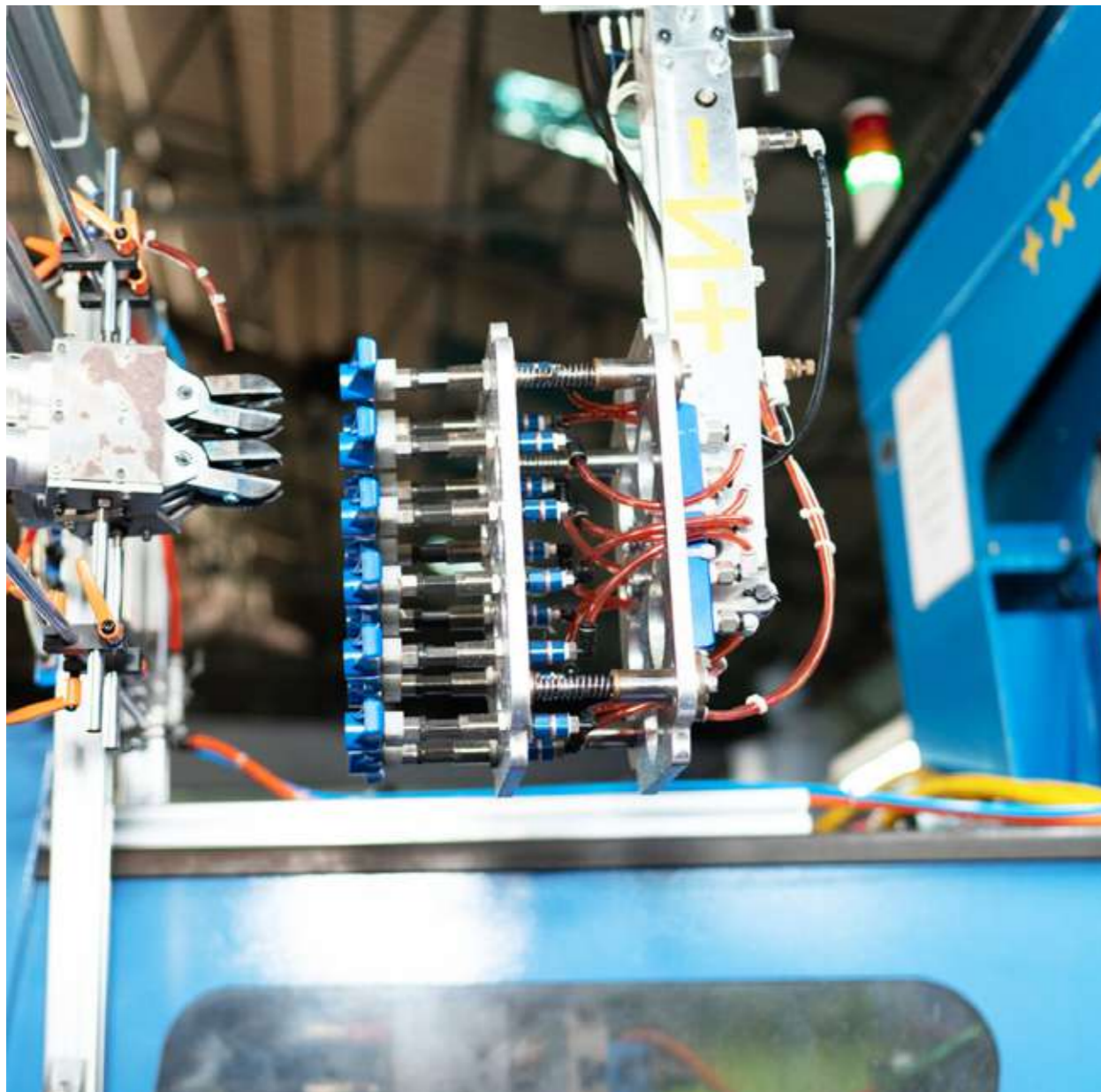


**TỔ CHỨC WRAS
(ANH QUỐC) ĐÃ
CẤP CHỨNG NHẬN:
SẢN PHẨM ỐNG
NHỰA BÌNH MINH
ĐƯỢC SẢN XUẤT TỪ
NGUYÊN VẬT LIỆU
PHÙ HỢP CHO DẪN
NƯỚC UỐNG VÀ
NƯỚC SINH HOẠT
ĐẠT CHUẨN
QUỐC TẾ.**

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tt)



6.2 TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Nguồn năng lượng sử dụng trực tiếp tại Nhựa Bình Minh trong quá trình sản xuất và kinh doanh dịch vụ là điện năng. Nguồn điện này được mua từ các công ty điện lực quốc gia.

Công ty không sử dụng nguồn năng lượng gián tiếp.

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

Tiếp tục duy trì chính sách phát triển bền vững thông qua các hoạt động tiết kiệm năng lượng, Công ty đã mục tiêu hóa và đã triển khai thành các chỉ tiêu thực hiện cho nhiều năm qua với nhiều hiệu quả.

Theo đó, Nhựa Bình Minh đã tiến hành thực hiện các hoạt động:

- Đào tạo nhận thức về tiết kiệm năng lượng cho toàn bộ CB-CNV.
- Kiểm toán năng lượng.
- Đánh giá hiện trạng và lập các kế hoạch thực hiện nhằm giảm suất tiêu hao điện năng.
- Tiếp tục thực hiện các giải pháp kỹ thuật phù hợp để tiết kiệm điện như: Lắp biến tần và servo cho động cơ chính thiết bị sản xuất, ...
- Ưu tiên đầu tư các thiết bị sản xuất có sử dụng công nghệ servo tiết kiệm điện.
- Lắp bảo ôn cho các thùng làm nguội.
- Duy trì kiểm soát máy làm lạnh nước các hồ tuần hoàn trong quá trình sản xuất.



SUẤT ĐIỆN NĂNG
TIÊU THỤ NĂM 2019
GIẢM CHỈ CÒN:

509,55

**KWH/MỖI TẤN
SẢN PHẨM**

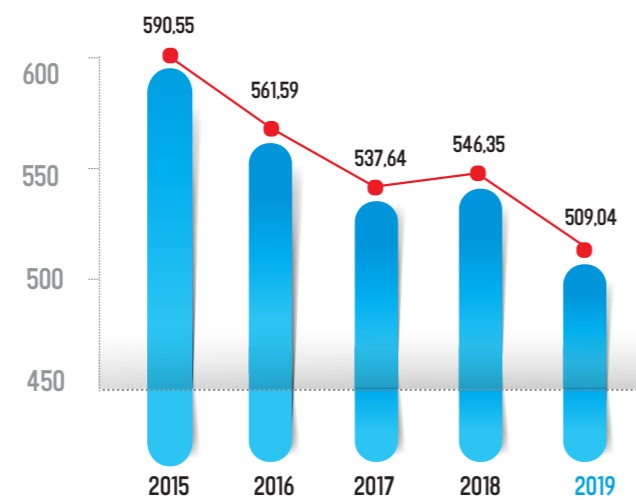
**THẤP NHẤT TRONG
CÁC NĂM
TỪ 2015-2019.**

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tt)

Năm 2019, các quá trình vận hành sau lắp đặt đã ổn định, các hoạt động tiết kiệm điện năng tiêu thụ đã bắt đầu phát huy tác dụng mạnh mẽ, đạt được hiệu quả rất cao so với những năm trước theo như các ghi nhận như sau:



Suất điện năng tiêu thụ năm 2019 giảm chỉ còn 509,55 kWh cho mỗi tấn sản phẩm, thấp nhất trong các năm từ 2015-2019.

Theo đó:

Tỷ lệ giảm đối với suất điện năng tiêu thụ năm 2019 so với 2018:	-6,8	%
Lượng điện tiêu thụ năm 2019 tiết giảm được:	3.909.678	kWh
Đơn giá bình quân năm 2019:	1.646	đồng/kWh
Tổng tiền tiết kiệm:	6,436	tỷ đồng

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng; báo cáo kết quả của các sáng kiến này:

Năm 2019, các giải pháp tiết kiệm năng lượng được tiếp tục duy trì thực hiện và đã tiếp tục đem lại hiệu quả.

Tuy nhiên, Công ty xem các hoạt động này là bình thường nên đã không ghi nhận và báo cáo thành sáng kiến.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tt)



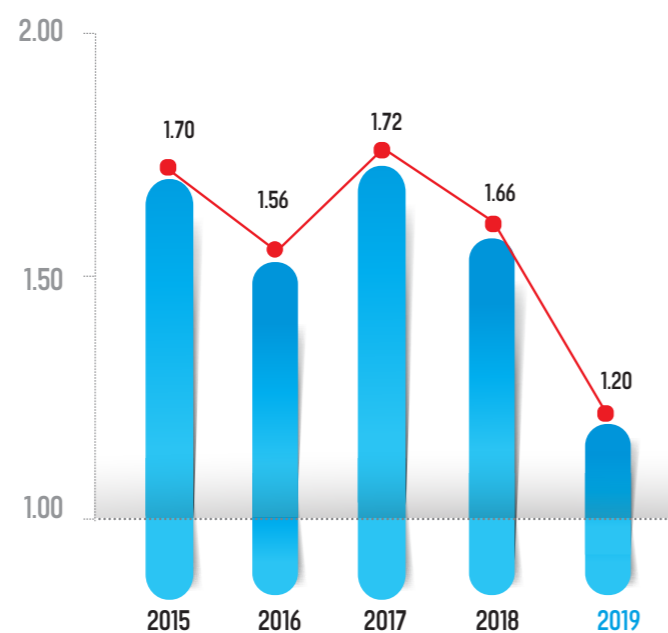
6.3 TIÊU THỤ NƯỚC:

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Từ nhiều năm qua, Công ty đã không sử dụng nguồn nước ngầm, chỉ sử dụng hoàn toàn nguồn nước được cung cấp từ các công ty cấp nước địa phương như: Sawaco, Biwase, ...

Bên cạnh đó, với ý thức nguồn nước sạch không phải là vô hạn, Nhựa Bình Minh tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp tiết kiệm.

Năm 2019, các quá trình vận hành sau lắp đặt đã ổn định, các hoạt động tiết kiệm nước cũng đã mang lại hiệu quả cao và được ghi nhận như sau:



Suất nước tiêu thụ năm 2019 giảm chỉ còn: 48,661 m³ cho mỗi tấn sản phẩm, cũng là giá trị thấp nhất trong các năm từ 2015-2019.

Theo đó:

Tỷ lệ giảm đối với suất nước tiêu thụ năm 2019 so với 2018:	27,9	%
Lượng nước tiêu thụ năm 2019 tiết giảm tương đương:	48,661	m ³
Đơn giá nước bình quân năm 2019 tại công ty:	10.152	đồng/m ³
Tổng tiền tiết kiệm:	494.000.000	đồng

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

Nguồn nước được Công ty sử dụng cho các mục đích:

- Nước dùng cho sinh hoạt: Chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng lượng nước sử dụng tại Công ty. Toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ sinh hoạt này được xử lý đáp ứng theo quy định của pháp luật.
- Nước dùng cho sản xuất: Chiếm tỷ trọng lớn trong tổng lượng nước sử dụng tại Công ty. Tuy nhiên, toàn bộ 100% lượng nước thải dùng cho sản xuất này đều được tuần hoàn tái sử dụng lại nhằm hạn chế tối đa lượng nước sử dụng.

**TÌNH HÌNH
HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM**



**6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN
MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tt)**

6.4 TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

Công ty rất quan tâm các hoạt động tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

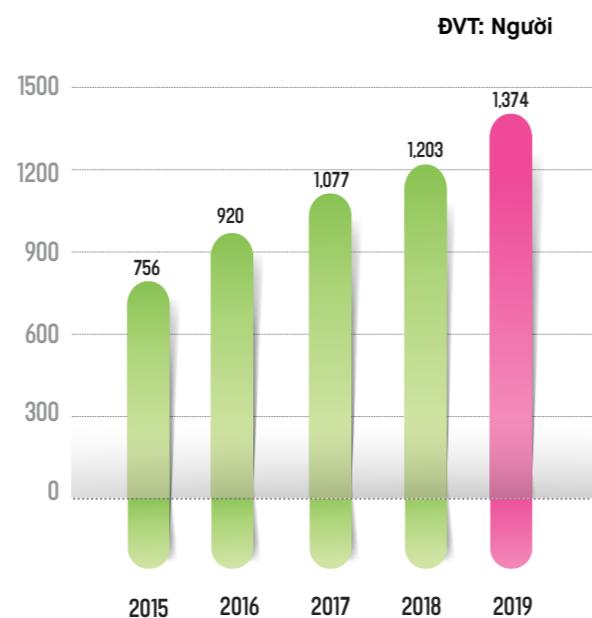
Năm 2019, Công ty đã không có bất kỳ ghi nhận nào liên quan đến vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

6.5 CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG:

a. Số lượng lao động:

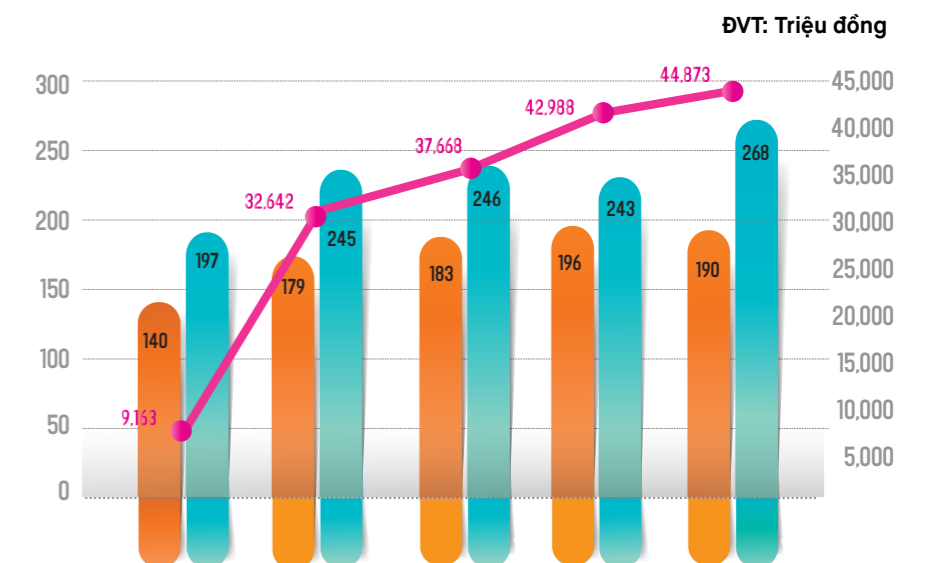
Trong năm 2019, nhân lực tăng khoảng 14% do công ty đầu tư thêm máy móc thiết bị, đồng thời triển khai áp dụng các mô hình, công cụ quản trị tiên tiến như 5S, Lean, CRM, HRM, ... để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh tận dụng tối đa cơ sở hạ tầng tại các nhà máy.

BIỂU ĐỒ NHÂN SỰ TỪ 2015 – 2019



b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

BIỂU ĐỒ CHI PHÍ CÁC LOẠI BẢO HIỂM THAM GIA



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tt)

Sức khỏe - An toàn - Phúc lợi là những chính sách luôn được chú trọng tại Nhựa Bình Minh.

- Bên cạnh việc phát triển sản xuất kinh doanh, việc chú trọng đến môi trường làm việc, sức khỏe của người lao động luôn là yếu tố quan trọng để đảm bảo cho sự phát triển bền vững. Hàng năm, Công ty luôn thực hiện việc đo đạc đánh giá tác động đối với môi trường làm việc và tổ chức khám bệnh định kỳ cho toàn thể người lao động. Các chương trình bảo hiểm Bảo hiểm sức khỏe toàn diện, bảo hiểm tai nạn 24/24 cũng được áp dụng cho toàn thể người lao động.
- Hội đồng An toàn lao động, Ban An toàn lao động, 5S tại các Nhà máy đều hoạt động rất hiệu quả, tích cực góp phần cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Công ty có kế hoạch bảo hộ lao động với ngân sách hơn 2 tỷ đồng/năm được triển khai thực hiện tốt, mang lại môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động. Đội phòng cháy chữa cháy của Công ty được thành lập tại các Nhà máy, thường xuyên tổ chức luyện tập, tham gia hội thao diễn tập phòng cháy chữa cháy với các lực lượng chuyên nghiệp phòng cháy chữa cháy của Quận và các đơn vị khác trên địa bàn nhằm đảm bảo thực hiện tốt công tác an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy không chỉ trong khuôn viên Công ty mà còn ở bên ngoài Công ty.



SỨC KHỎE - AN TOÀN - PHÚC LỢI

LÀ NHỮNG
CHÍNH SÁCH
LUÔN ĐƯỢC
CHÚ TRỌNG
TẠI NHỰA
BÌNH MINH.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

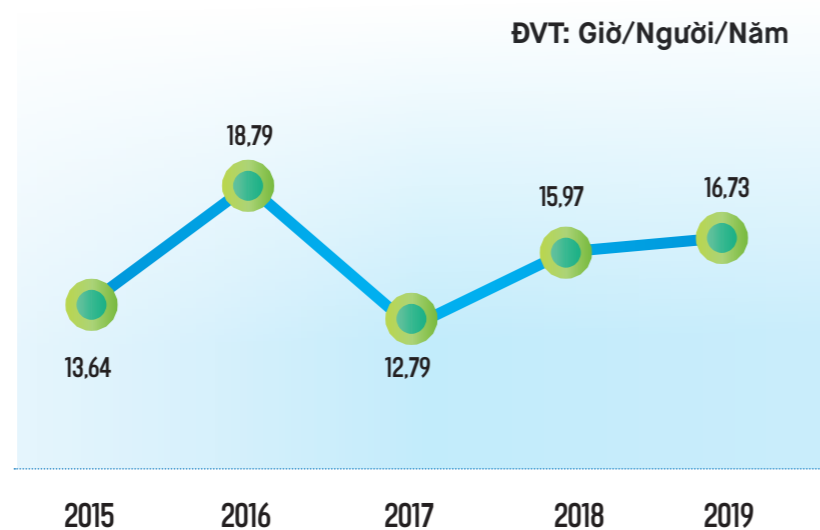


6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tt)

- Nhựa Bình Minh luôn chú trọng công tác chăm lo đời sống cho người lao động. Bảo đảm được công ăn việc làm với mức thu nhập cao so với các đơn vị cùng ngành. Bên cạnh các chế độ thưởng vào tất cả các ngày lễ lớn trong năm: Tết dương lịch, Tết cổ truyền Việt Nam, Giỗ tổ Hùng Vương, ... và ngày Kỷ niệm thành lập Công ty, người lao động còn được hưởng chế độ phúc lợi như: các hoạt động nghỉ dưỡng trong và ngoài nước, tham gia hội thao, ngày hội gia đình, ngày hội phụ nữ, ... Tất cả những chế độ phúc lợi của người lao động đều được thể hiện rõ ràng trong Thỏa ước lao động tập thể và được xem xét, chỉnh sửa thường xuyên để phù hợp với qui định của pháp luật và xu thế của thị trường lao động.

Chính vì vậy, Nhựa Bình Minh đã được bình chọn để vinh danh trở thành một trong những nơi làm việc tốt nhất châu Á do tạp chí nhân sự hàng đầu tổ chức.

BIỂU ĐỒ THỜI GIAN ĐÀO TẠO TRUNG BÌNH TỪ 2015 - 2019



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tt)



Chất lượng nguồn nhân lực đóng góp một vai trò quan trọng trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngay từ đầu năm, dựa trên yêu cầu thực tế của công việc, Công ty đã xây dựng kế hoạch đào tạo cụ thể cho từng đối tượng với mức kinh phí bình quân hơn 1 tỷ đồng/năm.

Các nội dung đào tạo được chọn lọc từ những khóa đào tạo chất lượng phù hợp công tác chuyên môn của từng người lao động. Bên cạnh đó, Công ty khuyến khích, đài thọ 100% kinh phí cho người lao động tự đào tạo, cập nhật các chuyên môn liên quan đến công việc của mình để nâng cao hiệu quả công việc và trình độ bản thân.

- Ngoài các khóa đào tạo nội bộ và đào tạo trong nước, người lao động còn được cử đi tham gia các khóa đào tạo về công nghệ tiên tiến, nguyên liệu sạch..., được áp dụng trên thế giới tại các nước như Đức, Ý, Áo, ... Hầu hết các cán bộ quản lý trong công ty đều được tham gia các khóa đào về Quản lý chất lượng, sản xuất và cải tiến hiện trường tại Nhật Bản thông qua chương trình của tổ chức HIDA-AOTS;
- Người lao động sau khi tham gia các khóa đào tạo đã phát huy tối đa năng lực, mạnh dạn đề xuất ứng dụng khoa học công nghệ mới vào quản lý sản xuất tại Công ty đem lại hiệu quả thiết thực, góp phần trong việc phát triển của Công ty.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tt)

6.6 BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG.

Duy trì truyền thống về các hoạt động xã hội nhằm chăm lo cộng đồng địa phương nói chung và từng hoàn cảnh cá nhân khó khăn cần sự giúp đỡ mà Công ty biết được, trong năm 2019, cả Công ty và người lao động đã chung tay có những đóng góp thiết thực và hiệu quả cho cộng đồng. Tổng giá trị đóng góp lên đến 800 triệu đồng, cụ thể theo các nhóm hoạt động như sau:

CÁC NHÓM HOẠT ĐỘNG:	SỐ TIỀN (TRIỆU ĐỒNG)
Chăm lo thể hệ trẻ	213
Chia sẻ khó khăn với cộng đồng	333
Đền ơn đáp nghĩa	209
Khác	45
TỔNG CỘNG:	800

Ngoài những hoạt động vì cộng đồng có thể quy ra giá trị tiền ở trên, Công ty còn tổ chức nhiều hoạt động giao lưu với cộng đồng địa phương nơi Công ty có sơ sở trú đóng như: Giao lưu văn nghệ, thể thao; Phối hợp công tác gìn giữ an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường... Phong trào hiến máu nhân đạo cứu người tiếp tục được duy trì trong suốt 16 năm qua. Trong năm 2019, đã vận động được 254 lượt người tình nguyện hiến máu.

6.7 BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN: Không có



S3

SẠCH SẼ



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1.1. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

THUẬN LỢI:

- ▶ Sức mua của thị trường vẫn được duy trì.
- ▶ Sản phẩm và thương hiệu công ty được tin cậy nên khả năng duy trì và tăng trưởng thị phần tốt hơn các đối thủ.
- ▶ Sau khi tái cấu trúc, số lượng Nhà phân phối (NPP) giảm còn 1/3 và được công ty tập trung hỗ trợ đẩy mạnh hoạt động nên Hệ thống phân phối (HTPP) hoạt động ổn định hơn, tình trạng bán phá giá đã giảm bớt. Chính sách vận chuyển giúp HTPP chủ động và có lợi hơn.
- ▶ Giá nguyên liệu ổn định ở mức bình quân thấp hơn năm 2018.

KHÓ KHĂN:

- ▶ **Từ chính sách và môi trường kinh doanh:**
 - Chính sách siết chặt về quản lý hoạt động kinh doanh bất động sản.
 - Chính sách siết chặt tín dụng cho hoạt động kinh doanh bất động sản.
 - Giải ngân vốn đầu tư công cho các dự án hạ tầng rất thấp.
 - Các dự án bất động sản tư nhân không được cấp phép.

Dự báo nhu cầu tiêu thụ có thể không tăng cao do các dự án địa ốc, xây dựng chưa phục hồi và chịu ảnh hưởng của các khó khăn trên.

- ▶ “CUNG” cao hơn nhiều so với “CẦU” do các đối thủ khác đầu tư nhiều trong mấy năm vừa qua và phải giảm giá bán hàng để “tồn tại” đồng thời đang tập trung “lôi kéo” các NPP lớn của công ty bằng những lợi ích lớn hơn công ty.



- ▶ HTPP của Công ty vẫn gặp tình trạng cạnh tranh khó khăn với bên ngoài về giá và chiết khấu. Sự trung thành và động lực có giảm sút do lợi ích không đạt kỳ vọng.
- ▶ Hàng giá vẫn diễn biến nghiêm trọng và tinh vi hơn.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tt)

1.2. KẾT QUẢ KINH DOANH

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2019	THỰC HIỆN		TỶ LỆ SO SÁNH %	
				2019	2018	4=2/1	5=2/3
A	B	C	1	2	3	4=2/1	5=2/3
1	Doanh thu	Tỷ đồng	4,300	4,343	4,130	101	105.2
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	98,500	105,020	94,500	106.6	111.1
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	540	550	530	101.9	103.8
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	432	440	428	101.9	102.8

1.3. KẾT QUẢ ĐẦU TƯ 2019:

TT	HẠNG MỤC	ĐVT	KẾ HOẠCH 2019	HOÀN THÀNH	
				Tỷ đồng	%
A	B	C	D	E	
	Thiết bị	Tỷ đồng	253,5	236,3	93,2



1.4. ĐÁNH GIÁ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH KHÁC:

1.4.1. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TIẾP THỊ

- ▶ Khối kinh doanh tiếp thị đã tăng cường việc chăm sóc, giám sát, đánh giá và phát triển HTPP nên việc tuân thủ quy chế đã tốt hơn và nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty thông qua việc tăng doanh thu và sản lượng.
- ▶ Việc điều chỉnh chính sách kinh doanh có lợi hơn cho NPP và điều tiết linh hoạt cũng tạo điều kiện cho các NPP nâng cao năng lực cạnh tranh với hệ thống phân phối của các đối thủ. Tuy nhiên khoảng cách chiết khấu giữa công ty và các đối thủ vẫn còn khá xa, nên các NPP vẫn mong muốn được tăng thêm chiết khấu để cạnh tranh tốt hơn.
- ▶ Việc hạn chế bán trực tiếp cho khách hàng dự án (do phải chiết khấu cao, nợ lâu) ít tác động đến Lợi nhuận nhưng sẽ làm giảm doanh thu và sản lượng tiêu thụ. Năm 2018 tỷ lệ bán trực tiếp khoảng 7,3% Doanh thu, năm 2019 tỷ lệ này chỉ còn khoảng 2,5%. Mục tiêu chính khi bán cho đối tượng khách hàng này là giữ khách hàng và hỗ trợ NPP để "GIỮ THỊ PHẦN" chứ không vì lợi nhuận. Việc chuyển các khách hàng này sang cho HTPP cũng sẽ phải giữ mức chiết khấu tương đương như cũ thì NPP mới có cơ hội cạnh tranh với các đối thủ khi bán hàng vào dự án. Năm 2020 nếu không tăng hoặc duy trì mức chiết khấu cho đối tượng khách hàng này dự kiến có thể giảm doanh thu khoảng 200 tỷ (# 5.000 tấn) => giảm thị phần. Việc mất khách hàng dự án, ban đầu có thể chưa giảm lợi nhuận nhưng tiềm ẩn rủi ro lâu dài có thể sẽ làm giảm doanh thu, thị phần và sẽ có ảnh hưởng đến lợi nhuận.
- ▶ Hoạt động phát triển HTPP, chăm sóc khách hàng và xử lý khiếu nại được khách hàng đánh giá cao.
- ▶ Tổ chức và tham gia các hoạt động Hội thảo, Hội chợ, Triển lãm, Quảng cáo đạt hiệu quả truyền thông cao.
- ▶ Cải tiến hoạt động giao hàng tại các kho để giảm thời gian giao hàng.
- ▶ Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng trong hoạt động chống hàng giả.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tt)

1.4.2. HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- ▶ Đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh. Quản lý luân chuyển dòng tiền nhằm tạo ra lợi nhuận tài chính tốt.
- ▶ Điều chỉnh và thực hiện các Báo cáo hợp nhất phù hợp với mẫu của NPI / SCG.
- ▶ Hoàn thành việc ứng dụng Hóa đơn điện tử (E-Invoice).
- ▶ Kết hợp KPMG thực hiện các đợt đánh giá và kiểm toán trong năm.
- ▶ Giám sát và thu hồi công nợ khó đòi đạt kết quả tốt.
- ▶ Thực hiện các báo cáo theo yêu cầu của Hội đồng tín dụng.
- ▶ Tiếp tục thực hiện Dự án định giá sản phẩm.

1.4.3. HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN (IT)

- ▶ Hỗ trợ việc khai thác dữ liệu ERP cho hoạt động quản lý toàn công ty và các bộ phận. Đặc biệt, hoàn thiện phương án và tích hợp với ERP:
 - Đặt hàng qua mạng (E-Ordering).
 - Hóa đơn điện tử (E-Invoice).
 - Quản lý quan hệ khách hàng (CRM).
 - Phần mềm hỗ trợ quản lý Nguồn nhân lực (HR-IT).
 - Thiết lập các báo cáo mới theo yêu cầu quản trị.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tt)



1.4.4. HOẠT ĐỘNG NHÂN SỰ

- ▶ Hoàn thành dự án tái cấu trúc tổ chức, đã vận hành thử mô hình mới 6 tháng tại các Nhà máy và tiến hành đánh giá, điều chỉnh để áp dụng chính thức. Bổ nhiệm cán bộ quản lý các cấp.
- ▶ Dự án HRM-IT: dự kiến vận hành từ đầu Quý 3/2020.
- ▶ Tuyển dụng và đào tạo, thử nghiệm mô hình lao động thuê ngoài.
- ▶ Chuẩn bị Ban quản lý để triển khai Dự án Quản trị chuỗi cung ứng.
- ▶ Về dự án HRM - TIỀN LƯƠNG: hoàn thành được 70%, hiện nay đang chậm tiến độ. Do dự án đang xây dựng một cơ chế tiền lương (cấu trúc 3P) hoàn toàn khác với cơ chế trả lương hiện nay của công ty nên đang được xem xét rất cẩn trọng việc ảnh hưởng đến thu nhập của từng Người lao động (NLD) vì có thể gây xáo trộn lao động trong công ty. Dự án đang ở giai đoạn thiết kế hệ thống lương mới sao cho:
 - ▶ Duy trì mức thu nhập bình quân của Người lao động để có ưu thế cạnh tranh về chất lượng nguồn lực lao động với bên ngoài.
 - ▶ Khắc phục tình trạng bất hợp lý do thu nhập của Cán bộ quản lý cấp cao, cấp trung và nhân sự có trình độ chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ đang thấp hơn thị trường (so sánh với khảo sát của Mercer, Adecco và First Alliances về tiền lương 2020 tại Vietnam).

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tt)

1.4.5. HOẠT ĐỘNG KỸ THUẬT SẢN XUẤT & ĐẦU TƯ

- ▶ Các Nhà máy đảm bảo khai thác tốt thiết bị, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về sản lượng và chủng loại hàng hóa.
- ▶ Tái bố trí thiết bị từ BMBD về BMLA để cân đối sản lượng các Nhà máy, hợp lý hóa hoạt động logistic.
- ▶ Đưa vào sản xuất 209 bộ khuôn mới và đưa ra thị trường 136 sản phẩm mới.
- ▶ Thực hiện đạt 93,3% kế hoạch đầu tư 2019. Triển khai đầu tư bổ sung thiết bị ép phun nhỏ đang thiếu cho mảng sản phẩm valve.
- ▶ Hoàn thành dự án tự động hóa khâu cấp liệu tại BMBD.
- ▶ Trong năm 2019, Công ty tiếp tục đẩy mạnh đầu tư công nghệ, tự động hóa thiết bị, tự động hóa qui trình, đa dạng hóa sản phẩm, ổn định chất lượng và tổ chức nhiều hoạt động cải tiến hiện trường để đáp ứng đầy đủ nhu cầu hàng hóa cho thị trường, cắt giảm chi phí và hiện thực hóa các mục tiêu của Công ty.

1.4.6. HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ HỆ THỐNG & CẢI TIẾN

- ▶ Kiểm soát tốt chất lượng hàng hóa và thực hiện hoạt động tư vấn, giải đáp thắc mắc cho khách hàng.
- ▶ Duy trì hiệu quả hoạt động hệ thống QMS9000 & EMS14000.
- ▶ Hoàn thành dự án 5S tại tất cả các Nhà máy với hiệu quả cao, triển khai thực hiện dự án LEAN.
- ▶ Phối hợp với NPI thực hiện các đợt đào tạo và tổ chức chuyển đổi hình thức triển khai mục tiêu theo mô hình OGSM.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tt)

1.4.7. NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC (NBM)

- ▶ Năm 2019 định hướng NBM tập trung khai thác thị trường miền Bắc, tỷ lệ tăng trưởng riêng tại thị trường miền Bắc đạt Doanh thu là 32% và Sản lượng là 29%. Lợi nhuận đạt 31 tỷ đồng.
- ▶ Hai giải pháp chính:
 - Sản xuất sản phẩm theo tiêu chuẩn phù hợp thị trường miền Bắc.
 - Tổ chức lại Hệ thống phân phối làm kênh phân phối chính, bắt đầu có tác dụng nhưng chưa thật sự rõ ràng, cần tiếp tục theo dõi và đánh giá tiếp trong năm 2020.

1.4.8. NHỰA ĐÀ NẴNG (DPC)

- ▶ DPC đang hoạt động như một Tổng kho trung chuyển để phân phối sản phẩm của BMP tại khu vực miền Trung.
- ▶ Đang triển khai dự án đầu tư xây dựng Nhà máy ở Khu công nghiệp Liên Chiểu để thực hiện di dời theo quyết định của thành phố Đà Nẵng. Dự kiến hoàn thành trong năm 2020.

1.4.9. CÁC DỰ ÁN

- ▶ Dự án "Tái cấu trúc tổ chức": đã xong.
- ▶ Dự án "Tái cấu trúc Hệ thống phân phối": đã xong.
- ▶ Dự án E-Ordering và tích hợp với hệ thống ERP: đã xong.
- ▶ Dự án CRM "SAP C4C": đã xong.
- ▶ Dự án Hóa đơn điện tử (E-Invoice): đã xong.
- ▶ Dự án 5S: đã xong.
- ▶ Dự án HRM-IT: dự kiến vận hành Quý 3/2020.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tt)



- ▶ Dự án HRM-Tiền lương: đang tiếp tục triển khai.
 - Cấu phần về Mô hình tổ chức: đã xong.
 - Cấu phần Hệ thống thang bậc lương P1 (Position): đã xong.
 - Cấu phần Hệ thống năng lực P2 (Person): đang thực hiện.
 - Cấu phần Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả công việc P3 (Performance): đã xong.
- ▶ Dự án LEAN: đang cùng tư vấn IMT triển khai tại BMBD.
- ▶ Dự án Quản trị Chuỗi cung ứng: dự kiến bắt đầu tháng 7/2020.

1.4.10. CÁC HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC BMP – NPI

- ▶ Trao đổi các đoàn tìm hiểu về hoạt động Kinh doanh, Tiếp thị, Nghiên cứu – Phát triển, Tài chính, Nhân sự, Sản xuất, IT giữa 2 bên.
- ▶ Trao đổi và đào tạo chương trình tự động hóa.
- ▶ Trao đổi và đào tạo chương trình phụ gia CaZn.
- ▶ Trao đổi và hỗ trợ dự án 5S-LEAN.
- ▶ Học tập và chia sẻ kinh nghiệm tổ chức thu thập, lưu trữ và khai thác dữ liệu của NPI để phục vụ cho hoạt động quản trị Công ty.
- ▶ Biệt phái nhân sự NPI sang hỗ trợ ngắn hạn tại NBM và BMP.
- ▶ Đánh giá thị trường và năng lực sản xuất để phối hợp tiêu thụ sản phẩm của nhau ở thị trường Đông Nam Á.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tt)

1.4.11. HOẠT ĐỘNG BAN ĐIỀU HÀNH (BAN TỔNG GIÁM ĐỐC)

BAN ĐIỀU HÀNH tự đánh giá đã có một năm điều hành hoạt động của Công ty thành công và hiệu quả trên cơ sở PHỐI HỢP nhịp nhàng trong Ban điều hành và tôn trọng các nguyên tắc quản trị:

CẦN TRỌNG - CHỦ ĐỘNG - CẦU THỊ - KHÔNG VỤ LỢI.

1.4.12. ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ NĂM 2019

- ▶ Doanh thu tăng 5,2%, Sản lượng tăng 11,1%, Lợi nhuận trước thuế tăng 3,8% so với năm 2018.
- ▶ Kết quả trên của Công ty năm 2019 so sánh với các đối thủ lớn khác là rất tốt. Các yếu tố TÍCH CỰC trên đã đóng góp to lớn vào việc tăng thị phần, duy trì vị thế dẫn đầu và uy tín vững chắc của Công ty trên thị trường.
- ▶ Công ty tiếp tục khẳng định vị trí là công ty đầu ngành sản xuất ống và phụ tùng ống nhựa các loại và đặc biệt là Công ty duy nhất hiện nay sản xuất toàn bộ sản phẩm ống và phụ tùng PVC-U không chứa thành phần kim loại nặng, thân thiện với môi trường và an toàn tuyệt đối cho người tiêu dùng.
- ▶ Môi trường kinh doanh đang trở nên hết sức thách thức khi "cung" đang vượt rất cao so với "cầu". Vì vậy, các doanh nghiệp đang tiếp tục tranh giành thị phần bằng giảm giá hoặc chiết khấu "khủng" gây xáo trộn lớn trong thị trường.
- ▶ Với chiến lược sản phẩm chất lượng cao, định giá bán cao cũng đang là thách thức lớn của công ty khi các đối thủ đang lấy chính sách giá thấp hoặc chiết khấu cao làm vũ khí chính trong quá trình cạnh tranh trên thị trường.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tt)



- ▶ Công ty vẫn duy trì và đảm bảo được nguồn nhân lực cho hoạt động công ty, tuy nhiên:
 - Cần tăng cường bộ máy nhân sự quản lý đang còn khá mỏng hiện nay.
 - Cần đẩy nhanh tiến độ Dự án xây dựng hệ thống tiền lương theo chuẩn mực và phương thức tiên tiến mang tính thị trường cao để đảm bảo duy trì và thu hút nguồn nhân lực cần thiết cho nhu cầu phát triển Công ty trong tương lai.
- ▶ Việc áp dụng thành công và vận hành ổn định Hệ thống Quản trị tổng thể nguồn lực doanh nghiệp ERP giúp công ty có thông tin nhanh chóng, đồng nhất, minh bạch, kiểm soát số liệu chính xác và hỗ trợ việc ra quyết định nhanh chóng, linh hoạt. Tuy vậy, Công ty vẫn cần tiếp tục mở rộng phạm vi của Hệ thống ERP, bổ sung kho dữ liệu thống kê và tăng cường năng lực khai thác, phân tích dữ liệu để hỗ trợ xây dựng các kịch bản kinh doanh, tài chính phù hợp với điều kiện và môi trường kinh doanh thay đổi rất nhanh hiện nay.

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Đã thể hiện trong nội dung phần định hướng và báo cáo của HĐQT và BDH.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI: (tt)

1.5. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

THUẬN LỢI

- ▶ Với mức độ dự báo tăng trưởng tốt của nền kinh tế chung, hy vọng sẽ thuận lợi cho sự phát triển của thị trường.
- ▶ Hệ thống phân phối sau khi tái cấu trúc hoạt động ổn định hơn.
- ▶ Các yếu tố liên quan đến quản trị nội bộ từng bước vận hành hiệu quả hơn.

KHÓ KHĂN

- ▶ Dự báo khả năng tăng trưởng của địa ốc, xây dựng sẽ tiếp tục chậm và chậm hơn do những bất cập của chính sách từ năm 2019 có thể kéo dài sang năm 2020 và những dự báo mới về khó khăn chung của nền kinh tế. Minh chứng là kết quả 2019 và dự kiến kế hoạch 2020 của các tập đoàn địa ốc và xây dựng lớn đều rất "ảm đạm".
- ▶ Dự báo khả năng tăng trưởng địa ốc chưa được cải thiện, thậm chí sẽ chậm lại do chính sách quản lý chặt chẽ hơn và việc siết chặt lại chính sách tín dụng cho bất động sản. Thực trạng thị trường bất động sản, địa ốc đang rất bất ổn và có biểu hiện "đóng băng" do chính sách. Các Hiệp hội và doanh nghiệp bất động sản, xây dựng đều đang "kêu cứu".
- ▶ Tình trạng "thừa cung" sẽ tiếp tục là nguyên nhân để các đối thủ tiếp tục cạnh tranh bằng chính sách duy trì mức chiết khấu cao, lợi nhuận thấp hoặc rất thấp để "tồn tại". Minh chứng là những Chiến dịch "Khuyến mãi khủng" của các đối thủ lớn trong cả năm 2019 và tiếp tục trong đầu năm 2020.
- ▶ Dịch COVID-19 tiếp tục là một ẩn số chưa đánh giá được đầy đủ mức độ nghiêm trọng của tác động xấu đến nền kinh tế nói chung và lãnh vực hoạt động của công ty nói riêng.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI:

1.6. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT BMG NĂM 2020

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2020 / TH 2019		TỶ LỆ SO SÁNH %
			2020	2019	
A	B	C	1	2	3=1/2
1	Doanh thu	Tỷ đồng	4.560	4.343	105
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	110.030	105.020	105
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	582	529	110
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	465	423	110

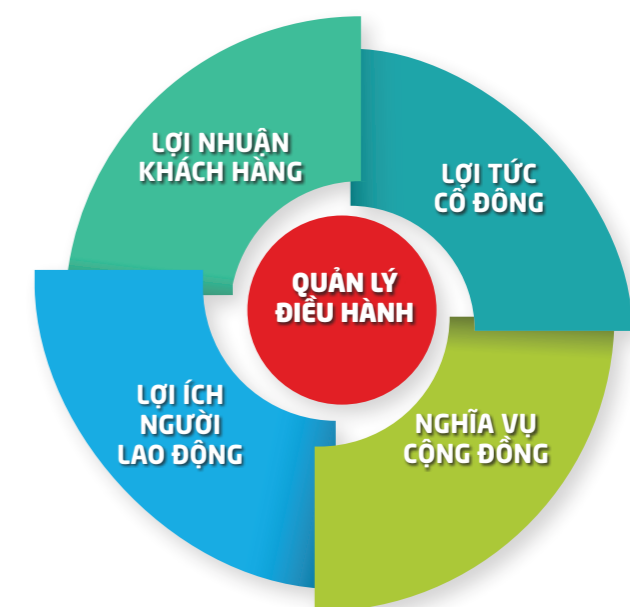
1.7. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2020

TT	HẠNG MỤC	ĐVT	KẾ HOẠCH 2020	GHI CHÚ
A	B	C	D	E
1	Thiết bị ưu tiên	Tỷ đồng	175	
2	Thiết bị chưa ưu tiên	Tỷ đồng	20	
3	Tổng cộng	Tỷ đồng	195	

1.8. THÔNG điệp CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

- ▶ Trung thực, minh bạch, công bằng vì mục tiêu cao nhất là quyền lợi chung của NHỰA BÌNH MINH.
- ▶ Duy trì sự hoạt động ổn định của công ty, sự đồng thuận của đội ngũ nhân sự, tạo ra hiệu quả cao nhất, hài hòa lợi ích các bên.
- ▶ Tranh thủ sự ủng hộ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Không vì lợi ích cục bộ của bất kỳ nhóm đối tượng nào.

**“KHAI THÁC THỂ MẠNH - TẬN DỤNG THỜI CƠ
HÀI HÒA LỢI ÍCH”**



S4

SẢN SÓC



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

CƠ CẤU SỞ HỮU:

Nawaplastic Industries Co. Ltd. (NPI) nắm giữ 54,39% vốn công ty, là Cổ đông lớn nhất của Công ty hiện nay.

Theo quy định về cổ đông lớn với tỷ lệ nắm giữ >5%, hiện nay công ty chỉ còn 2 Cổ đông lớn khác là FTIF - Templeton Frontier Markets Fund (6,25%) và KWE BETEILIGUNGEN AG (5,03%).

HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

(Xem thêm phần báo cáo và đánh giá của BDH):

- ▶ Doanh thu tăng 5,2% so với năm 2018 và 1% so với kế hoạch năm 2019. Sản lượng tăng 11,1% so với năm 2018 và 6,6% so với kế hoạch năm 2019. Đây là tỷ lệ tăng trưởng cao thể hiện sự nỗ lực của công ty trong điều kiện khó khăn của thị trường và nhận định đã có sự tăng trưởng thị phần.
- ▶ Lợi nhuận trước thuế tăng 3,8% so với năm 2018 và 1,9% so với kế hoạch năm 2019 được ĐHCĐ giao. Tuy nhiên, do thực hiện khoản trích lập dự phòng thôi việc cho Người lao động (theo yêu cầu thống nhất của SCG đối với các công ty thành viên) tương đương 21 tỷ đồng nên Lợi nhuận sau thuế cả năm cũng bị giảm đi tương ứng.
- ▶ Với kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 của công ty như trên, Công ty đã đạt kết quả sản xuất kinh doanh rất tốt cho năm 2019. So sánh với kết quả năm 2019 với các đối thủ cùng ngành, HĐQT đánh giá công ty vẫn đạt kết quả và hiệu quả cao hơn hẳn, tiếp tục duy trì được vị thế dẫn đầu và uy tín vững chắc trên thị trường.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

- ▶ HĐQT duy trì các hoạt động ổn định và theo đúng yêu cầu của Điều lệ công ty. Trong năm 2019, đã tổ chức tốt cuộc họp ĐHĐCĐ 2019 và tổ chức 05 cuộc họp HĐQT với 100% thành viên tham dự. Trong năm 2019 không có giao dịch mua / bán cổ phiếu của cá nhân các Thành viên HĐQT.
- ▶ Mặc dù có đến 03 Thành viên là người nước ngoài và 01 Thành viên độc lập từ bên ngoài nhưng HĐQT vẫn nắm bắt đầy đủ tình hình Công ty thông qua các báo cáo định kỳ của Tổng Giám đốc (TGD) để có sự thấu hiểu, đồng thuận trong các quyết định chung.
- ▶ HĐQT đã tuân thủ nghiêm túc và thực hiện đầy đủ công việc theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019, giám sát Ban Điều hành thực hiện tốt và kịp thời những lợi ích của cổ đông như chia cổ tức, tiếp xúc và cung cấp thông tin định kỳ với Nhà đầu tư, Cổ đông.
- ▶ HĐQT thường xuyên tương tác với Ban kiểm soát, ghi nhận các ý kiến phù hợp của BKS về quản trị công ty và điều chỉnh để cải thiện hoạt động quản trị.
- ▶ HĐQT tiếp nhận các ý kiến đề xuất của Tổng Giám đốc, chất vấn để làm rõ và đáp ứng kịp thời những nhu cầu về nguồn nhân lực, sự thay đổi chính sách kinh doanh, nhu cầu đầu tư mở rộng, chính sách với người lao động nhằm tạo động lực phát triển tốt nhất cho Công ty.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT (tt)

- ▶ Do điều kiện 3/5 Thành viên ở nước ngoài và bên ngoài, đồng thời đều là các Quản trị viên cấp cao ở nhiều công ty nên việc bố trí thời gian hội họp, trao đổi thông tin cũng có hạn chế. Tuy nhiên HĐQT cũng đã thiết lập cơ chế làm việc và ủy quyền hợp lý để đảm bảo việc thực hiện công việc đúng tiến độ và ảnh hưởng ít nhất đến những hoạt động chung của công ty. Bổ nhiệm mới Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký HĐQT.
- ▶ HĐQT trong năm vừa qua bên cạnh việc chú trọng định hướng và giám sát hoạt động của công ty, đồng thời triển khai nhiều hoạt động hợp tác giữa NPI và BMP để tạo cơ hội chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao năng lực quản trị, thống nhất hệ thống dữ liệu, báo cáo quản trị và hợp tác phát triển.
- ▶ Hoạt động các Tiểu ban:
 - Tiểu ban Quan hệ nhà đầu tư: tổ chức họp Cổ đông, Nhà đầu tư định kỳ quý. Thường xuyên báo cáo, trao đổi, cung cấp thông tin hoạt động công ty theo yêu cầu.
 - Tiểu ban Chiến lược phát triển: cập nhật kế hoạch trung hạn (MTP) cho giai đoạn 2020-2025.
 - Tiểu ban Nhân sự - Chính sách - Lương thưởng: theo dõi việc thực hiện dự án tái cấu trúc tiền lương và quản lý nhân sự đang triển khai.
 - Tiểu ban Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ: Bổ nhiệm Trưởng tiểu ban mới. Tổ chức hoạt động đánh giá của Kiểm toán nội bộ tập đoàn (IA SCG) và theo dõi thực hiện các kiến nghị của đơn vị kiểm toán KPMG Việt Nam.

HĐQT đã duy trì hoạt động các Tiểu ban giúp việc nhưng do điều kiện làm việc của các Trưởng tiểu ban nên các Tiểu ban cũng chưa thật sự hoạt động có hiệu quả như mong đợi.



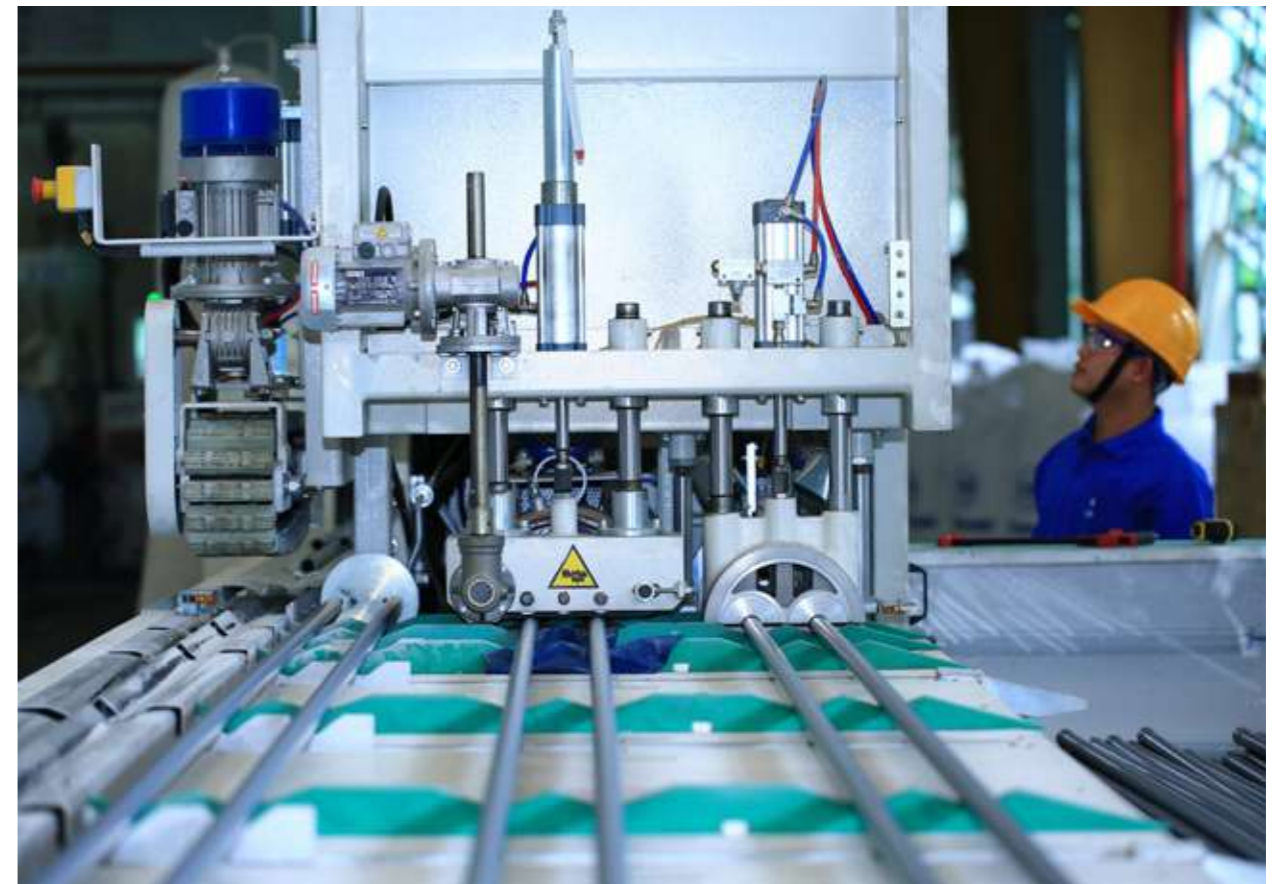
- ▶ HĐQT vẫn có sự nhất quán với định hướng phát triển chung của Công ty, lấy chất lượng làm yếu tố trung tâm, giữ vững ngôi vị hàng đầu của Công ty trong ngành. HĐQT cũng xác định định hướng chiến lược cân bằng hài hòa giữa yêu cầu tăng trưởng thị phần và lợi nhuận, giữa lợi ích của Cổ đông, Khách hàng và Người lao động.
- ▶ Bên cạnh đó HĐQT xác định phải chú trọng đến việc nâng cao sự hài lòng, an toàn của Người lao động, từng bước xây dựng chính sách, mục tiêu để tạo một môi trường làm việc tốt hơn trong công ty.
- ▶ HĐQT đã xem xét hoạt động của công ty thành viên là Nhựa Bình Minh miền Bắc (NBM) với định hướng ưu tiên nâng cao hiệu quả hoạt động trên thị trường miền Bắc.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



3. ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

- ▶ HĐQT đang hoạt động rất ổn định và hiệu quả. Các Thành viên đều có trách nhiệm với hoạt động của công ty, luôn tích cực tìm hiểu, tranh luận, phản biện về các hoạt động, đồng thời xem xét cẩn trọng các đề xuất, giải pháp của Tổng Giám đốc trước khi phê duyệt để tạo điều kiện cho công ty phát triển.
- ▶ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 tốt. Ban điều hành và toàn thể Người lao động đều có trách nhiệm và thể hiện nỗ lực cao độ để thực hiện tốt các mục tiêu kinh doanh năm 2019 và đầy đủ các yêu cầu của ĐHCĐ và HĐQT đưa ra trong năm.
- ▶ Vai trò thành viên độc lập được tôn trọng và được phân công phụ trách Tiểu ban Nhân sự- Chính sách – Lương thưởng để có tiếng nói độc lập trong các hoạt động của HĐQT cũng như góp ý trong các vấn đề liên quan đến lãnh vực này của công ty.
- ▶ Thành viên HĐQT độc lập đánh giá cao sự ủng hộ của HĐQT về sự quan tâm đến lợi ích của Người lao động trong công ty. Trong điều kiện công ty đang hoạt động có hiệu quả cao, đề nghị HĐQT tiếp tục ủng hộ việc xây dựng chính sách lương, thưởng, đãi ngộ phù hợp với qui mô công ty, mức thu nhập của thị trường để duy trì và bổ sung đội ngũ Người lao động có năng lực vì mục tiêu phát triển dài hạn và bền vững của công ty.

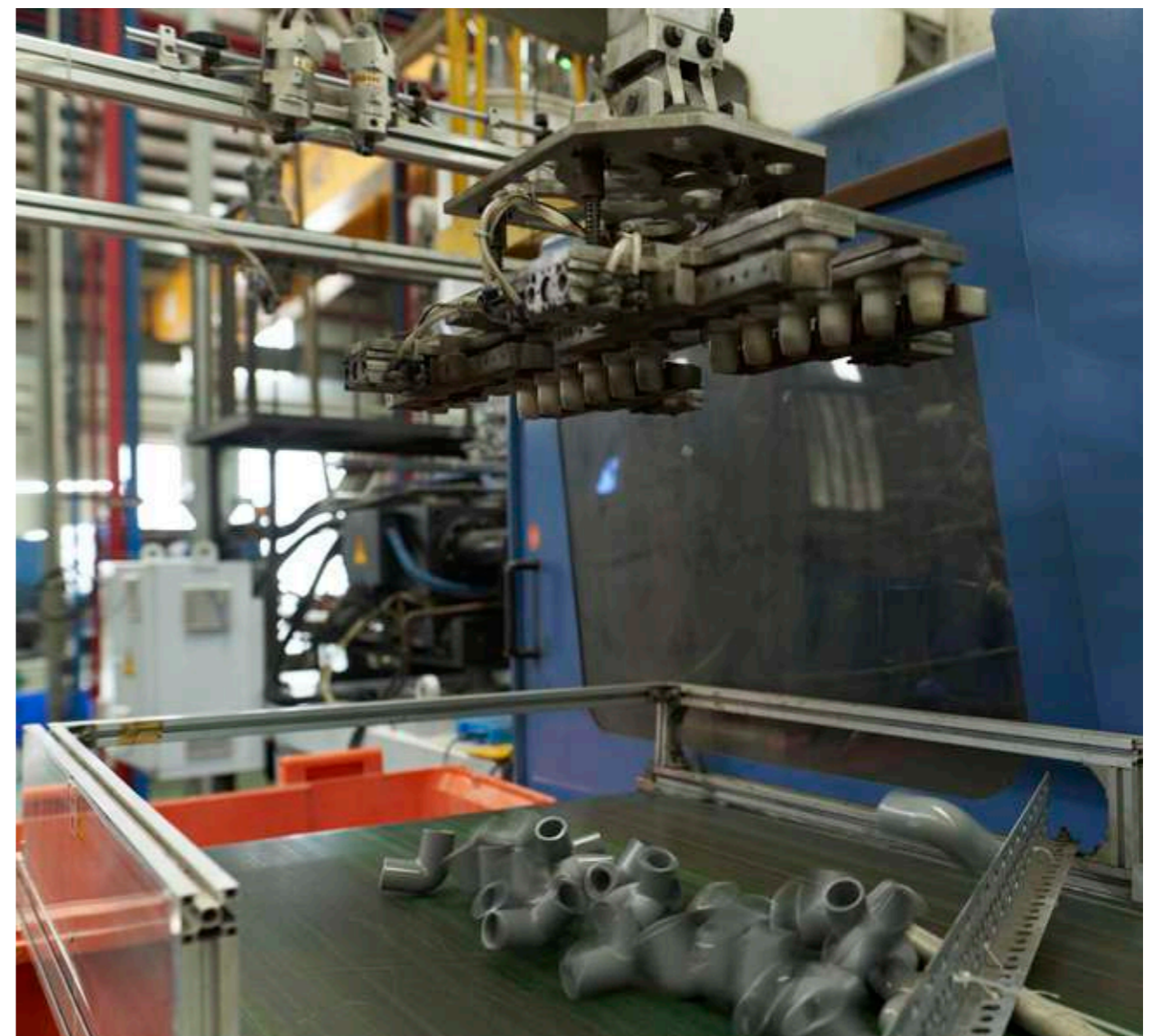


ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



4. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ BDH

- ▶ Đội ngũ Ban điều hành đã tạo được mối quan hệ đoàn kết trong toàn công ty, ổn định tư tưởng đội ngũ Cán bộ quản lý và Người lao động, phát huy được khả năng chuyên môn của mỗi cá nhân và duy trì được tinh thần làm việc tập thể trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Từ đó đã đạt được kết quả sản xuất kinh doanh tốt trong năm 2019
- ▶ Ban điều hành đã rất linh hoạt, theo sát, nắm vững diễn biến của tình hình thị trường để kịp thời có những chính sách, giải pháp phù hợp đối phó với những thay đổi của môi trường kinh doanh để thực hiện các mục tiêu kinh doanh của công ty.
- ▶ Ban điều hành đã rất nỗ lực trong điều kiện vừa phải đảm bảo hoàn thành tốt nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh vừa phải triển khai khối lượng công việc lớn liên quan đến việc hợp nhất hệ thống báo cáo, từng bước áp dụng hài hòa, phù hợp với các nguyên tắc và mô hình quản trị của NPI và SCG.
- ▶ Bên cạnh việc duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban điều hành đã tích cực triển khai các dự án lớn, có tầm ảnh hưởng dài hạn đến việc nâng cao năng lực quản trị như Tái cấu trúc tổ chức, Tái cấu trúc Hệ thống tiền lương (HRM-Tiền lương), Tin học hóa Quản lý Nhân sự (HRM-IT), Quản lý quan hệ khách hàng (CRM), Bán hàng trực tuyến (E-ordering), Cải tiến năng suất và logistic (LOIT), Tối ưu hóa quản lý hiện trường (LEAN-5S) và nâng cao năng lực của hệ thống ERP.
- ▶ Mặc dù vậy Ban điều hành cần tiếp tục đẩy nhanh việc thực hiện Dự án tái cấu trúc tiền lương để làm cơ sở cho việc nâng cao năng lực đội ngũ nhân sự, đảm bảo tính công bằng trong chính sách tiền lương, tiền thưởng cho Người lao động và tạo động lực cho đội ngũ cán bộ quản lý.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



5. ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT VỀ TẦM NHÌN VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

- ▶ Tăng cường khả năng cạnh tranh chung thông qua các hoạt động cải tiến để tiết kiệm chi phí, linh hoạt chính sách để nâng cao kết quả kinh doanh.
- ▶ Khẳng định năng lực và vị trí dẫn đầu của công ty tại thị trường Việt Nam, định hướng kết hợp với các công ty cùng trong tập đoàn để giữ vị trí đứng đầu về thị phần trong khu vực Asean. Xây dựng mục tiêu tăng trưởng bình quân không thấp hơn tăng trưởng chung của thị trường.
- ▶ Đẩy mạnh sự hợp tác với các đối tác chiến lược để phát triển sản phẩm mới và mở rộng thị trường.
- ▶ Nâng cao chuẩn mực về Quản trị nội bộ doanh nghiệp theo hướng thống nhất và minh bạch. Áp dụng các mô hình, công cụ quản trị tiên tiến kết hợp với việc đầu tư và ứng dụng công nghệ hiện đại, nâng cao mức độ tự động hóa trong sản xuất để từng bước hình thành và áp dụng Mô hình quản trị chuỗi cung ứng toàn diện trong hoạt động quản trị công ty.
- ▶ Chú trọng phát triển chất lượng nguồn nhân lực để nâng cao hiệu quả công việc và đảm bảo sự phát triển dài hạn của Công ty. Đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng một môi trường làm việc nội bộ thân thiện, an toàn và ưu tiên những lợi ích cho Người lao động để duy trì vị thế công ty thuộc nhóm 50 chỗ làm việc tốt nhất VN.



\$5

SẴN SÀNG



QUẢN TRỊ CÔNG TY



1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

A. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỞ HỮU CP CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT	TỶ LỆ SỞ HỮU CP CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT	TỶ LỆ
01	Ông Sakchai Patiparnpreechavud	Chủ tịch	0	0	5,789%
02	Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch	618.550	0,756%	54,392%
03	Ông Wisit Rechaipichitgool	Thành viên	0	0	
04	Ông Poramate Larnroongroj (thay thế ông Sumphan Luveeraphan)	Thành viên	0	0	
05	Ông Phan Khắc Long	Thành viên độc lập	0	0	
06	Ông Sumphan Luveeraphan (từ nhiệm 19/04/2019)	Thành viên	0	0	



Quá trình công tác:

- 2005: Giám đốc điều hành Công ty Petrochemical – Iran.
- 2009: Giám đốc điều hành Công ty TNHH SCG Plastics.
- 2015: Giám đốc điều hành Công ty TNHH SCG Chemicals.
- 2017: Phó Chủ tịch ngành Polyolefins & Vinyl SCG – Thailand.
- 20/04/2018: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Bình Minh.

ÔNG SAKCHAI PATIPARNPREECHAVUD

Chủ tịch HĐQT
 Năm sinh: 1967
 Trình độ: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

QUẢN TRỊ CÔNG TY



1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tt)



ÔNG NGUYỄN HOÀNG NGÂN

Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1962
Trình độ: Kỹ sư Cơ khí,
Thạc sĩ Quản trị

(Xem trang 44)



ÔNG WISIT RECHAI PICHITGOOL

Thành viên HĐQT
Phó Tổng Giám đốc Tài chính – Hành chính
Năm sinh: 1961
Quốc tịch: Thái Lan
Trình độ: Thạc sĩ Khoa học

(Xem trang 47)

QUẢN TRỊ CÔNG TY



1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tt)



ÔNG PORAMATE LARNROONGROJ

Thành viên HĐQT
Năm sinh: 1963
Trình độ: Thạc sỹ Công nghiệp

Thành viên HĐQT (thành viên không điều hành) đã được ĐHCĐ ngày 19/04/2019 bầu thay thế cho ông SUMPHAN LUVEERAPHAN có đơn từ nhiệm

Quá trình công tác:

- 2004: Trưởng Phòng Kế hoạch – Mua sắm của Công ty TNHH Thai CRT.
- 2005: Giám đốc điều hành Công ty TNHH Siam Forestry.
- 2008: Giám đốc điều hành Công ty TNHH Thai Cane Paper Public.
- 2010: Giám đốc điều hành Công ty TNHH Thai Containers Group.
- 2018 - nay: Tổng Giám đốc điều hành Công ty TNHH Nawaplastic Industries.
- 19/04/2019: Thành viên HĐQT (thành viên không điều hành) đã được ĐHCĐ bầu thay thế cho ông SUMPHAN LUVEERAPHAN có đơn từ nhiệm



ÔNG SUMPHAN LUVEERAPHAN

Năm sinh : 1963
Trình độ: Kỹ sư Hóa.

Thành viên HĐQT (thành viên không điều hành) đã từ nhiệm

Quá trình công tác:

- 2011: Giám đốc Thương mại Công ty TNHH Thai CRT.
- 2012: Giám đốc điều hành Công ty TNHH TPC Paste Resin.
- 2013: Phó Tổng Giám đốc điều hành Công ty Nawa Plastic (Sarabury) Co. Ltd.
- 2016: Tổng Giám đốc điều hành Công ty TNHH Nawaplastics Industries.
- 20/04/2018-19/04/2019: Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Bình Minh.

QUẢN TRỊ CÔNG TY



I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tt)



ÔNG PHAN KHẮC LONG

Thành viên HĐQT
Năm sinh: 1961
Trình độ: Kỹ sư Cơ khí

Quá trình công tác:

- 1983: Kỹ sư xí nghiệp Cơ khí Giao thông Vận tải 2.
- 1990: Chủ Doanh nghiệp tư nhân Đại Việt Phát.
- 1996: Giám đốc Cty TNHH SX & XD Phan Vũ.
- 2001: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phan Vũ.
- 2013: Thành viên HĐQT Japan Pile Corporation – Japan.
- 2015: Thành viên HĐQT Asia Pile Holding Corporation (Niêm yết trên Tokyo Stock Exchange).
- 2018: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Phan Vũ.
- 20/04/2018: Thành viên HĐQT (Thành viên Độc lập) Công ty CP Nhựa Bình Minh.

B. CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

STT	TIỂU BAN	THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ
1	NHÂN SỰ - CHÍNH SÁCH - LƯƠNG THƯỞNG	Ông Phan Khắc Long	Thành viên HĐQT độc lập, Trưởng Tiểu ban
		Bà Nguyễn Ngọc Linh	Phụ trách Phòng Nhân sự, Phó Tiểu ban
		Ông Bùi Quang Khôi	Giám đốc Nhà máy BMLA, Thành viên
		Bà Nguyễn Thị Chúc Quỳnh	Nhân viên Pháp chế, Thành viên
		Ông Phạm Hải Đăng	Thủ kho BMBD, Thành viên
2	QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ	Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc, Trưởng Tiểu ban
		Ông Bông Hoa Việt	Thư ký HĐQT/ Trưởng phòng QTHC, Phó Tiểu ban
		Ông Phùng Hữu Luận	Phó Phòng Kế toán - Tài chính, Thành viên
		Bà Vy Thị Hồng Loan	Phó Phòng Kinh doanh, Thành viên
		Ông Nguyễn Việt Anh	Phó Phòng Đầu tư - Nghiên cứu, Thành viên
3	CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	Ông Wisit Rechaipichitgool	Thành viên HĐQT/ Phó TGD Tài chính-Hành chính, Trưởng Tiểu ban
		Ông Nguyễn Thanh Quan	Phó TGD Kỹ thuật, Phó Tiểu ban
		Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó TGD Kinh doanh, Thành viên
		Ông Hồng Lê Việt	Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Thành viên
		Ông Phạm Hoàng Anh	Trưởng phòng Nghiên cứu – Phát triển, Thành viên
4	KIỂM SOÁT RỦI RO	Ông Poramate Larnroongroj	Thành viên HĐQT, Trưởng Tiểu ban
		Bà Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên Ban Kiểm soát, Phó Tiểu ban
		Ông Lê Anh Huy	Trưởng phòng Đảm bảo Chất lượng, Thành viên
		Ông Bùi Văn Hiếu	Phó phòng Quản trị Hệ thống Thông tin, Thành viên
		Ông Nguyễn Tuấn Văn	Nhân viên Đầu tư Xây dựng, Thành viên

QUẢN TRỊ CÔNG TY



1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tt)

C. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Từ ngày 01/01/2019-31/12/2019, có tổng cộng 5 cuộc họp HĐQT, trong đó, tình hình tham dự của các thành viên như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ BUỔI HỌP HĐQT THAM DỰ	TỶ LỆ DỰ HỌP	LÝ DO KHÔNG DỰ
1	Ông Sakchai Patiparnpreechavud	5/5	100%	
2	Ông Nguyễn Hoàng Ngân	5/5	100%	
3	Ông Wisit Rechaipichitgool	5/5	100%	
4	Ông Poramate Larnroongroj	5/5	100%	
5	Ông Phan Khắc Long	5/5	100%	

Từ các cuộc họp HĐQT trên, đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định:

STT	SỐ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
01	01/NQ-BM/HĐQT/2019	19/04/2019	Về việc trả cổ tức còn lại năm 2018.
02	02/NQ-BM/HĐQT/2019	19/04/2019	Về việc trao quyền cho Ông Nguyễn Hoàng Ngân ký các hợp đồng tín dụng và cầm cố tài sản thế chấp.
03	03/NQ-BM/HĐQT/2019	18/11/2019	Về việc tạm ứng cổ tức năm 2019.

STT	SỐ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
01	01/QĐ-BM/HĐQT/2018)	24/01/2019	Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty.
02	02/QĐ-BM/HĐQT/2018)	19/04/2019	Bổ nhiệm Trưởng tiểu ban Kiểm toán nội bộ và Kiểm soát rủi ro.
03	03/QĐ-BM/HĐQT/2018)	19/04/2019	Hệ số tiền lương 2019.
04	04/QĐ-BM/HĐQT/2018)	19/04/2019	Giao TGD phân phối Thù lao - Thưởng 2018 cho HĐQT và BKS.

D. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP:

Thành viên độc lập HĐQT đã tham gia đầy đủ 100% các buổi họp HĐQT. Với vai trò trực tiếp phụ trách Tiểu ban Nhân sự - Chính sách - Lương thưởng trực thuộc HĐQT, thành viên HĐQT độc lập đã đóng góp nhiều ý kiến khách quan trong việc đề xuất xây dựng và lựa chọn nhân sự cơ cấu vào các tiểu ban khác cũng như các vị trí hỗ trợ, giúp việc cho HĐQT như người phụ trách Quản trị Công ty...

Bên cạnh đó, khi Ban Điều hành tiến hành chương trình tái cơ cấu tổ chức Công ty, thành viên HĐQT độc lập đã có nhiều ý kiến phản biện, làm rõ, cũng như giải thích, tư vấn cho HĐQT hiểu hơn về bản chất và mục đích của dự án và cơ chế phân phối tiền lương và thu nhập.

E. DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY. DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THAM GIA CÁC CHƯƠNG TRÌNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRONG NĂM.

Tất cả các thành viên HĐQT đều có các chứng chỉ đào tạo về Quản trị Kinh doanh và có kinh nghiệm hơn 10 năm trong quản trị các công ty. Trong năm 2019, các thành viên HĐQT chưa bố trí được thời gian tham gia các chương trình đào tạo về quản trị công ty. Tuy nhiên, bộ phận giúp việc của HĐQT là Thư ký HĐQT và Người phụ trách Quản trị Công ty đã được cử tham gia 02 kỳ tập huấn của HOSE trong năm.

QUẢN TRỊ CÔNG TY



2. BAN KIỂM SOÁT

A. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỞ HỮU CP CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT	GHI CHÚ
01	Ông Nguyễn Thanh Thuận	Trưởng Ban Kiểm soát	0	
02	Bà Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên BKS	14.040	Người lao động trong Công ty
03	Ông Praween Wirotpan	Thành viên BKS	0	Công tác tại SCG Việt Nam



ÔNG NGUYỄN THANH THUẬN

Trưởng Ban Kiểm soát
 Năm sinh: 1987
 Trình độ: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

- 2009: Cán bộ tín dụng Phòng Khách hàng doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank).
- 2012: Phó Phòng Khách hàng doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) Chi nhánh 3 TP.HCM.
- 2015: Trưởng Phòng Khách hàng doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) Chi nhánh 3 TP.HCM .
- 2016: Trưởng Phòng Hỗ trợ tín dụng - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) Chi nhánh 3 TP.HCM
- 2018: Trưởng Phòng Tài chính - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia.
- 20/04/2018: Trưởng Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh.

QUẢN TRỊ CÔNG TY



2. BAN KIỂM SOÁT (tt)

A. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT:



Quá trình công tác:

- 2006: Nhân viên Phòng Tài chính - Kế toán BMP.
- 2013 đến nay: Thành viên BKS - Thành viên Tiểu ban Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ.

BÀ NGUYỄN LƯU THÙY MINH

Thành viên Ban Kiểm soát
Năm sinh: 1983
Trình độ: Cử nhân Kế toán,
Thạc sĩ Tài chính



Quá trình công tác:

- 1991: Kiểm toán viên tại Công ty TNHH Siam Cement.
- 1998: Trưởng Phòng Quản trị Công ty TNHH Cemen Thai Plastic & Product.
- 2000: Giám đốc Kế toán Mua hàng Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC Vina.
- 2002: Trưởng Phòng Nhân sự Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất Thái Lan.
- 2006: Giám đốc Kế toán Mua hàng Công ty TPC Vina Plastic&Chemical Co.,Ltd.
- 2015: Tổng Giám đốc SCG Việt Nam.
- 20/04/2018: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Nhựa Bình Minh.

ÔNG PRAWEEEN WIROTPAN

Thành viên Ban Kiểm soát
Năm sinh: 1968
Trình độ: Thạc sĩ Tài chính Kế toán

QUẢN TRỊ CÔNG TY



2. BAN KIỂM SOÁT (tt)

B. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT



1. THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT:

S TT	THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU LÀ THÀNH VIÊN BKS	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP
1	Ông Nguyễn Thanh Thuận	Trưởng ban	20/4/2018	4/4	100%
2	Ông Praween Wirotpan	Thành viên	20/4/2018	4/4	100%
3	Bà Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên	25/4/2013	4/4	100%

2. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Trong năm 2019, BKS đã tổ chức 4 cuộc họp, định kỳ 1 quý/lần để kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Nội dung cụ thể như sau:

STT	NGÀY	SỐ THÀNH VIÊN THAM GIA	NỘI DUNG CHÍNH
1	29/1/2019	3/3	<ul style="list-style-type: none"> Xem xét, đánh giá kết quả kinh doanh năm 2018. Xem xét báo cáo tài chính năm 2018. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Rà soát tình hình mua bảo hiểm cháy nổ. Rà soát và kiến nghị của BKS về kiểm soát số dư tiền mặt tồn tại quỹ và việc ký quỹ mở L/C nhập khẩu.
2	21/5/2019	3/3	<ul style="list-style-type: none"> Xem xét, đánh giá kết quả kinh doanh Quý 1/2019. Xem xét báo cáo tài chính Quý 1/2019. Rà soát việc thực hiện các kiến nghị của BKS đối với Ban Điều hành về quản trị vốn lưu động. Đánh giá mức độ hoàn thành công việc của từng thành viên BKS năm 2018.
3	16/9/2019	3/3	<ul style="list-style-type: none"> Xem xét, đánh giá kết quả kinh doanh Quý 2/2019. Xem xét báo cáo tài chính Quý 2/2019. Rà soát việc thực hiện các kiến nghị của BKS đối với Ban Điều hành về quản trị vốn lưu động. Rà soát thủ tục mua hàng và quy trình thanh toán.
4	09/12/2019	3/3	<ul style="list-style-type: none"> Xem xét, đánh giá kết quả kinh doanh Quý 3/2019. Xem xét báo cáo tài chính Quý 3/2019. Rà soát việc thực hiện các kiến nghị của BKS đối với Ban Điều hành về quản trị vốn lưu động.

QUẢN TRỊ CÔNG TY



2. BAN KIỂM SOÁT (tt)

Ngoài các cuộc họp và làm việc trực tiếp, BKS cũng thường xuyên liên lạc, trao đổi thông tin, tài liệu và đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Ban nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động.

Bên cạnh đó, BKS cũng tham gia cuộc họp chuyên đề về tài chính kế toán và các cuộc họp của HĐQT nhằm nắm bắt kịp thời các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong các cuộc họp với HĐQT, BKS tham gia ý kiến về những nội dung liên quan đến công tác quản trị vốn lưu động, trích lập các chi phí dự phòng và các vấn đề liên quan đến chứng khoán.

Hoạt động giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2019

- HĐQT và Ban Điều hành đã thực hiện đầy đủ các nội dung được thông qua trong Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2018.
- Mặc dù doanh thu và sản lượng đều vượt kế hoạch, tuy nhiên do thực hiện theo tư vấn của KPMG về trích lập dự phòng rủi ro thôi việc cho toàn bộ người lao động với số tiền là 21 tỷ đồng nên lợi nhuận gần đạt kế hoạch với tỷ lệ là 98%.

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Điều hành và cổ đông

- BKS ghi nhận không có điều gì bất thường trong hoạt động của các thành viên HĐQT và Ban Điều hành.
 - * HĐQT hoạt động theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty trong quá trình chỉ đạo, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Điều hành.

- * Ban Điều hành đã tích cực, chủ động đưa ra các giải pháp nhằm đạt được các mục tiêu kinh doanh và đề xuất ý kiến với HĐQT về các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.
- Trong năm, HĐQT đã tổ chức 05 cuộc họp, ban hành 03 Nghị quyết và 04 Quyết định phù hợp với Điều lệ, bám sát tình hình thực tế và giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh của Công ty.
- 04 tiểu ban trực thuộc HĐQT được duy trì, tư vấn cho HĐQT và Ban điều hành những vấn đề thiết thực đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành

- BKS ghi nhận sự phối hợp của HĐQT và Ban Điều hành. Thông tin về kế hoạch, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty luôn được cập nhật thường xuyên.
- Các cuộc họp của BKS luôn được Ban Điều hành tổ chức chu đáo, các tài liệu BKS cần kiểm tra đều được cung cấp đầy đủ và kịp thời, hỗ trợ tốt cho hoạt động giám sát của Ban.

Về thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động khác

- Đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 là Công ty TNHH MTV KPMG Việt Nam, thay thế cho Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong thời gian vừa qua. Sau khi xem xét báo cáo kiểm toán, BKS nhất trí với số liệu và kết luận của đơn vị kiểm toán KPMG.
- Công ty tuân thủ chặt chẽ các quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

TRÍCH LẬP DỰ
PHÒNG RỦI RO THÔI
VIỆC CHO TOÀN BỘ
NGƯỜI LAO ĐỘNG
SỐ TIỀN
21 TỶ
ĐỒNG,
LỢI NHUẬN GẦN
ĐẠT KẾ HOẠCH
VỚI TỶ LỆ
98%

QUẢN TRỊ CÔNG TY



3. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2020:

Năm 2020, với mục tiêu phát huy vai trò trong việc giám sát, kiểm tra tính tuân thủ, minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, BKS dự kiến sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động, tập trung hơn nữa vào các vấn đề sau:

- Giám sát việc chấp hành Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.
- Giám sát hoạt động quản lý và điều hành của HĐQT, Ban Điều hành.
- Thẩm tra tính trung thực, minh bạch các Báo cáo tài chính quý, năm của Công ty.
- Rà soát các quy trình nội bộ theo sơ đồ tổ chức mới.
- Tư vấn cho HĐQT, Ban Điều hành các ý kiến chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tài sản.



QUẢN TRỊ CÔNG TY



4. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

A. LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH TẠI DOANH NGHIỆP

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	LƯƠNG _CBCNV	THƯỜNG _CBCNV	KHÁC	TỔNG	THUẾ TNCN	CÒN LẠI
Lê Quang Doanh	HĐQT	0	0	541,138,794	541,138,794	54,113,880	487,024,914
Nguyễn Hoàng Ngân	HĐQTz	2,240,760,289	350,464,465	1,274,346,686	3,865,571,440	1,167,054,824	2,698,516,616
Nguyễn Thị Kim Yến	HĐQT	0	0	327,083,277	327,083,277	32,708,328	294,374,949
Apichai Chareonsuk	HĐQT	0	0	321,083,277	321,083,277	64,216,655	256,866,622
Sakchai Patiparnpreechawud	HĐQT	0	0	1,270,356,468	1,270,356,468	254,071,294	1,016,285,174
Sumphan Luveeraphan	HĐQT	0	0	668,985,617	668,985,617	133,797,123	535,188,494
Phan Khắc Long	HĐQT	0	0	766,213,881	766,213,881	76,621,388	689,592,493
Wisit Rechaipichitgool	HĐQT	1,243,269,156	131,132,869	766,213,881	2,140,615,906	575,390,206	1,565,225,700
Poramate Larnroongroj	UV. HĐQT	0	0	97,228,264	97,228,264	19,445,653	77,782,611
Bùi Quang Khôi	TK. HĐQT	975,406,693	158,166,009	222,123,069	1,355,695,771	293,489,528	1,062,206,243
Bông Hoa Việt	TK. HĐQT	808,887,962	133,210,817	340,025,509	1,282,124,288	297,218,674	984,905,614
Cộng HĐQT		5,268,324,100	772,974,160	6,594,798,723	12,636,096,983	2,968,127,553	9,667,969,430
Nguyễn Thị Phương Nga	BKS	268,084,475	79,406,339	380,741,943	728,232,757	106,675,780	621,556,977
Nguyễn Lưu Thùy Minh	BKS	254,835,771	41,768,955	477,787,273	774,391,999	165,771,835	608,620,164
Nguyễn Thanh Thuận	BKS	0	0	544,683,810	544,683,810	54,468,381	490,215,429
Praween Wirotpan	BKS	0	0	326,810,286	326,810,286	32,681,029	294,129,257
Cộng BKS		522,920,246	121,175,294	1,730,023,312	2,374,118,852	359,597,025	2,014,521,827
Nguyễn Thanh Quan	P. TGD	1,700,158,834	316,845,218	10,000,000	2,027,004,052	502,752,606	1,524,251,446
Nguyễn Thanh Hải	P. TGD	1,517,941,306	241,734,263	0	1,759,675,569	427,672,515	1,332,003,054
Hồng Lê Việt	KTT	1,493,513,103	241,934,263	10,000,000	1,745,447,366	413,774,975	1,331,672,391
Cộng khác		4,711,613,243	800,513,744	20,000,000	5,532,126,987	1,344,200,096	4,187,926,891
TỔNG CỘNG		10,502,857,589	1,694,663,198	8,344,822,035	20,542,342,822	4,671,924,674	15,870,418,148



QUẢN TRỊ CÔNG TY



4. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT (tt)

B. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CÁ NHÂN

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG TRƯỚC GIAO DỊCH	GIAO DỊCH		SỐ LƯỢNG SAU GIAO DỊCH	TỈ LỆ SỞ HỮU
			MUA	BÁN		
Sakchai Patiparnpreechavud	Chủ tịch HĐQT	0			0	0
Nguyễn Hoàng Ngân	PCT.HĐQT/ TGD	618.550			618.550	0,756%
Wisit Rechaipichitgool	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	0			0	0
Ông Poramate Larnroongroj	Thành viên HĐQT	0			0	0
Sumphan Luveeraphan	Thành viên HĐQT	0			0	0
Phan Khắc Long	Thành viên HĐQT độc lập	0			0	0
Nguyễn Thanh Thuận	Trưởng ban KS	0			0	0
Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên BKS	14.040			14.040	0,017%
Praween Wirotpan	Thành viên BKS	0			0	0
Nguyễn Thanh Quan	Phó Tổng Giám đốc	11.709			11.709	0,014%
Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	21.600			21.600	0,26%
Hồng Lê Việt	Kế toán trưởng	03			03	0,00%
TỔNG CỘNG		665.899	0		665.899	0,8%

GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG SỞ HỮU 5% TRỞ LÊN

TỔ CHỨC	SỐ LƯỢNG TRƯỚC GIAO DỊCH	GIAO DỊCH		SỐ LƯỢNG SAU GIAO DỊCH	TỈ LỆ SỞ HỮU SAU GD
		MUA	BÁN		
Nawaplastic Industries Co., Ltd.	44.525.911			44.525.911	54,39%
Franklin Templeton Investment Funds - Templeton Frontier Markets Fund	7.251.332		1.237.930	6.013.402	7,35%
TỔNG CỘNG	51.777.243			50.539.313	61,74%

QUẢN TRỊ CÔNG TY



4. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT (tt)

C. HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN: Không có giao dịch.

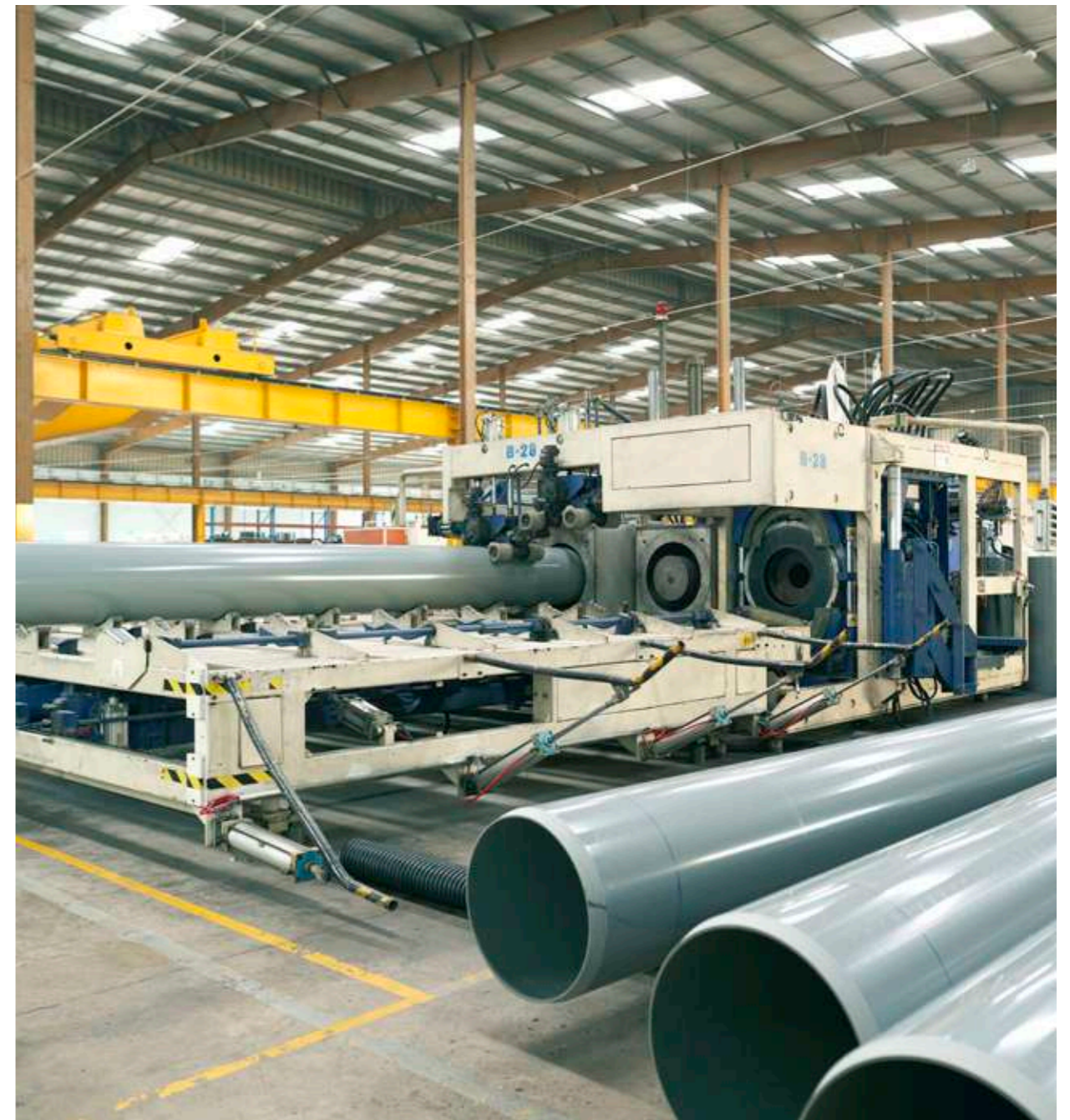
D. VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

Về những điểm đã làm được:

- Thực hiện đúng quy định về công bố thông tin định kỳ cũng như bất thường. Trong năm 2019 không có nhắc nhở nào của HOSE về vấn đề này.
- Tiến hành các thủ tục, các bước cho việc tổ chức ĐHCĐ 2019 đúng quy định.
- HĐQT cũng như BKS đều tiến hành họp định kỳ, nghiêm túc theo quy chế làm việc để đánh giá hoạt động trong kỳ cũng như hoạch định kế hoạch hoạt động cho kỳ tới. Thông qua các kỳ họp đã kịp thời ra những quyết định kịp thời, đúng đắn theo nguyên tắc quản trị doanh nghiệp.
- Các tiểu ban của HĐQT đã ổn định hoạt động, có đóng góp ý kiến, đề xuất và tư vấn hữu ích cho HĐQT.

Điểm còn hạn chế:

Hiện nay cơ cấu thành viên của HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 được ĐHCĐ năm 2018 bầu cử gồm 5 thành viên, trong đó chỉ có 1 thành viên độc lập, chưa đáp ứng được yêu cầu cần tối thiểu 1/3 thành viên HĐQT là thành viên độc lập. Trong năm 2019, sau khi 1 thành viên HĐQT từ nhiệm, ĐHCĐ đã phải tích cực tìm kiếm và thay thế bằng 1 ứng viên khác do Cổ đông lớn Nawaplastic Industries giới thiệu. Để tránh các biến động nhân sự quá nhiều trong HĐQT trong năm 2019 ảnh hưởng đến công tác quản trị doanh nghiệp, Công ty đã tạm thời chấp nhận cơ cấu thành viên HĐQT như hiện tại. Công tác bổ sung thêm được 1 thành viên độc lập cho HĐQT sẽ được tiếp tục xem xét trong thời gian tới.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp số	4103002023	ngày 2 tháng 1 năm 2004
Hội đồng Quản trị	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301464823 ngày 22 tháng 8 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên và các Giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp	
	Ông Sakchai Patiparnpreechavud	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch
	Ông Poramate Larnroongroj	Thành viên (từ ngày 20 tháng 4 năm 2019)
	Ông Sumpham Luveeraphan	Thành viên (đến ngày 8 tháng 4 năm 2019)
	Ông Wisit Rechaipichitgool	Thành viên
	Ông Phan Khắc Long	Thành viên
Ban Kiểm soát	Ông Nguyễn Thanh Thuận	Trưởng ban
	Bà Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên
	Ông Praween Wirotpan	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Quan	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Wisit Rechaipichitgool	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Hồng Lê Việt	Kế toán trưởng
Người đại diện pháp luật	Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc
Trụ sở đăng ký	240 Hậu Giang Phường 9, Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 51 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Nguyễn Hoàng Ngân
Tổng Giám đốc

Sakchai Patiparnpreechavud
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Kính gửi các Cổ đông**Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh ("Công ty") và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 3 năm 2020, được trình bày từ trang 156 đến trang 192.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 25 tháng 3 năm 2019.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-01-00264/2*2-20-2

Nguyễn Thanh NghịGiấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0304-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc**Trương Vĩnh Phúc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.501.804.754.804	1.806.688.352.687
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	313.509.353.245	412.303.012.109
Tiền	111		97.509.353.245	412.303.012.109
Các khoản tương đương tiền	112		216.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		376.000.000.000	200.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	376.000.000.000	200.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		357.163.197.528	5A99.424.414.290
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	342.499.031.251	444.215.156.684
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	36.071.031.131	145.289.551.105
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	30.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	40.155.872.112	90.819.418.722
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(92.052.916.048)	(81.389.891.303)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		490.179.082	490.179.082
Hàng tồn kho	140	11	453.880.133.640	567.338.833.213
Hàng tồn kho	141		456.353.482.895	567.338.833.213
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.473.349.255)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.252.070.391	27.622.093.075
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	1.252.070.391	9.552.020.735
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	20(b)	-	17.186.802.176
Thuế phải thu Nhà nước	153	20(b)	-	883.270.164

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.348.102.393.552	1.005.510.236.574
Tài sản cố định	220		640.140.613.074	857.157.562.988
Tài sản cố định hữu hình	221	12	621.044.534.979	598.291.802.461
- Nguyên giá	222		1.745.318.766.445	1.549.747.724.415
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.124.274.231.466)	(951.455.921.954)
Tài sản cố định vô hình	227	13	19.096.078.095	258.865.760.527
- Nguyên giá	228		35.106.157.647	298.190.374.843
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(16.010.079.552)	(39.324.614.316)
Tài sản dở dang dài hạn	240		27.925.505.552	13.366.617.816
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	27.925.505.552	13.366.617.816
Đầu tư tài chính dài hạn	250		368.743.742.917	67.831.379.352
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	5(b)	66.743.742.917	65.831.379.352
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(c)	4.000.000.000	4.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(c)	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(a)	300.000.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		311.292.532.009	67.154.676.418
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	263.745.627.665	6.476.732.462
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	17.881.620.364	14.744.187.959
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	17	29.665.283.980	45.933.755.997
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.849.907.148.356	2.812.198.589.261

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tt)

Tại 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		380.623.569.705	358.546.067.527
Nợ ngắn hạn	310		357.538.491.866	358.546.067.527
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	110.054.807.786	132.012.665.283
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	21.296.618.543	16.431.809.415
Thuế phải nộp Nhà nước	313	20(a)	29.584.830.743	16.290.042.206
Phải trả người lao động	314		55.828.170.644	52.599.952.841
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	59.176.530.049	48.200.455.338
Phải trả ngắn hạn khác	319		4.235.773.078	3.004.596.594
Vay ngắn hạn	320	22	55.770.000.000	58.625.187.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	21.591.761.023	31.381.358.850
Nợ dài hạn	330		23.085.077.839	
Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	23.085.077.839	
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	25	2.469.283.578.651	2.453.652.521.734
Vốn chủ sở hữu	410	26	2.469.283.578.651	2.453.652.521.734
Vốn cổ phần	411	26	818.609.380.000	818.609.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		818.609.380.000	818.609.380.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.592.782.700	1.592.782.700
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.341.071.761.133	1.279.666.344.571
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		44.983.552.000	44.983.552.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		263.026.102.818	308.800.462.463
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.981.681.901	3.981.681.900
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		259.044.420.917	304.818.780.563
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.849.907.148.356	2.812.198.589.261

Ngày 27 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Phùng Hữu Luận
Kế toán

Người duyệt:



Hồng Lê Việt
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Ngân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	4.342.954.953.524	4.129.972.734.326
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	5.615.542.906	210.335.296.270
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	30	4.337.339.410.618	3.919.637.438.056
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	31	3.349.334.639.351	3.047.590.783.016
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		988.004.771.267	872.046.655.040
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	37.121.319.638	25.106.601.101
Chi phí tài chính	22	33	110.971.229.562	105.484.986.226
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		125.174.350	292.427.536
Phần lãi trong công ty liên kết	24	5(b)	1.497.363.565	1.071.407.257
Chi phí bán hàng	25	34	270.352.326.675	165.853.774.242
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	116.704.322.723	97.832.603.890
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		528.595.575.510	529.053.299.040
Thu nhập khác	31		973.387.096	1.132.541.226
Chi phí khác	32		291.490.058	265.181.817
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		681.897.038	867.359.409
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) (mang sang trang sau)	50		529.277.472.548	529.920.658.449
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	109.648.608.036	89.704.487.848
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	37	(3.137.432.405)	12.605.983.039
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		422.766.296.917	427.610.187.562
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	5.164	5.224

Ngày 27 tháng 3 năm 2020

Người lập:


Phùng Hữu Luận
Kế toán

Người duyệt:


Hồng Lê Việt
Kế toán trưởngNguyễn Hoàng Ngân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2019 (Phương pháp gián tiếp)

	Mã số	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	529.277.472.548	529.920.658.449
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	187.572.488.824	172.420.049.029
Các khoản dự phòng	03	36.221.451.839	14.508.205.351
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	10.703.926	(158.281.796)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(37.868.576.528)	(23.845.520.047)
Chi phí lãi vay	06	125.174.350	292.427.536
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	715.338.714.959	693.137.538.522
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	284.887.410.283	(144.260.944.443)
Biến động hàng tồn kho	10	127.253.822.335	(210.951.274.113)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	8.170.189.954	(67.651.915.490)
Biến động chi phí trả trước	12	(17.028.787.957)	(12.121.296.323)
		1.118.621.349.574	258.152.108.153
Tiền lãi vay đã trả	14	(388.775.511)	(574.652.945)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(105.917.987.663)	(89.846.096.924)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(48.550.616.827)	(44.803.467.492)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	963.763.969.573	122.927.890.792

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

	Mã số	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(208.549.626.766)	(97.991.754.472)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	375.036.366	336.818.182
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn	23	(476.000.000.000)	-
Tiền chi cho vay	23	(30.000.000.000)	-
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	-	250.000.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	437.499.733
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức	27	22.857.073.889	22.799.473.036
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(691.317.516.511)	175.582.036.479
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	980.000.000	270.187.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.835.187.000)	(4.517.187.000)
Tiền chi trả cổ tức	36	(368.374.221.000)	(327.443.752.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(371.229.408.000)	(331.690.752.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(98.782.954.938)	(33.180.824.729)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	412.303.012.109	445.325.555.042
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(10.703.926)	158.281.796
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	313.509.353.245	412.303.012.109

Ngày 27 tháng 3 năm 2020

Người lập:


Phùng Hữu Luận
Kế toán

Người duyệt:


Hồng Lê Việt
Kế toán trưởngNguyễn Hoàng Ngân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh ("Công ty") được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 209/2003/QĐ-BCN ngày 4 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp. Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam từ ngày 11 tháng 7 năm 2006 với mã chứng khoán BMP.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là "Tập đoàn") và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm đàn dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su; thiết kế, chế tạo, kinh doanh khuôn mẫu ngành nhựa, ngành đúc; sản xuất, kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư, thiết bị vệ sinh cho ngành xây dựng, trang trí nội thất; tư vấn và thi công các công trình cấp thoát nước, sân bãi, dịch vụ giám định, phân tích, kiểm nghiệm ngành hóa chất; kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu, hóa chất, vật tư, máy móc thiết bị ngành nhựa, cơ khí, xây dựng, cấp thoát nước và thiết bị thí nghiệm.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(c) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019, Công ty có 2 đơn vị trực thuộc như sau:

Stt	Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh - chi nhánh Nhựa Bình Minh Bình Dương	Số 7 Đường số 2, khu Công nghiệp Sóng Thần 1, Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh - chi nhánh Nhựa Bình Minh Long An	Lô C1-6 đến C1-30, KCN Vĩnh Lộc 2, Đường Vĩnh Lộc 2, Ấp Voi Lá, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019, Tập đoàn có 1 công ty con và 2 công ty liên kết như sau:

Stt	Công ty con	Các hoạt động chính	Địa chỉ	% sở hữu và quyền biểu quyết	
				31/12/2019	01/01/2019
1	Công ty TNHH một thành viên Nhựa Bình Minh Miền Bắc	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm đàn dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su.	Đường D1, khu D, khu công nghiệp Phố Nối A, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	100%	100%

Công ty liên kết	Các hoạt động chính	Địa chỉ	% sở hữu và quyền biểu quyết	
			31/12/2019	01/01/2019
Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng	Sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm, nguyên liệu, thiết bị ngành nhựa.	371 Trần Cao Vân, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.	29,05%	29,05%
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt	Kinh doanh bất động sản, buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng..	240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	26%	126%

Tất cả các công ty con và công ty liên kết được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn có 1.388 nhân viên (1/1/2019: 1.391 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát ("NCI") được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2019

Việc thay đổi tỷ lệ sở hữu vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thay đổi tỷ lệ sở hữu vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là các đơn vị mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua tại ngày mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của đơn vị bị mua được hợp nhất sử dụng giá trị hợp lý. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn để đổi quyền kiểm soát đơn vị bị mua tại ngày trao đổi và các chi phí giao dịch. Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và lợi ích của Tập đoàn trong phần giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và khoản nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá lần lượt là tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản, của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được trích lập như sau:

Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích lập dự phòng
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Tổng Giám đốc Công ty sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa và vật kiến trúc 5 – 10 năm
- máy móc và thiết bị 3 – 8 năm
- phương tiện vận chuyển 6 – 8 năm
- thiết bị văn phòng 3 – 8 năm

(h) Tài sản cố định vô hình**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thanh toán tiền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá thuê và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 45 đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 7 năm.

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho Chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013

Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 41 đến 50 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn phản ánh chi phí sửa chữa nhà xưởng và máy móc, được thể hiện theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Vốn cổ phần**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN/HH

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập hàng năm từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối dựa trên tỷ lệ được các cổ đông quyết định trong Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho cán bộ, nhân viên của Tập đoàn.

(o) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**(i) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập hàng năm từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối dựa trên tỷ lệ được các cổ đông quyết định trong Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(ii) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm bổ sung vốn cổ phần trong tương lai.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời trên có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu và thu nhập khác**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuận sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp cho khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(r) Các khoản thanh toán thuế hoạt động

Các khoản thanh toán thuế hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuế. Các khoản hoa hồng đi thuế được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuế.

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu ("EPS") cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Tập đoàn chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh chính, đó là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su, và trong một vùng địa lý chính, đó là Việt Nam.

(v) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt	380.784.813	998.364.485
Tiền gửi ngân hàng	97.128.568.432	411.304.647.624
Các khoản tương đương tiền	216.000.000.000	-
	313.509.353.245	412.303.012.109

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất năm từ 5% đến 5,5%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2019			01/01/2019		
	Lãi suất năm	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Lãi suất năm	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn						
• Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 12 tháng	7% - 9%	376.000.000.000	(*)	5% - 6%	200.000.000.000	(*)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn						
• Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 12 tháng	10%	300.000.000.000	(*)	-	-	-

(b) Đầu tư vào các công ty liên kết

	31/12/2020						01/01/2019					
	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Phần chia lãi/(lỗ) lũy kế	Giá trị ghi sổ VND	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Phần chia lãi/(lỗ) lũy kế	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư góp vốn vào:												
Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng	650.000	29.05%	29.05%	8.125.000.000	4.018.742.917	12.143.742.917	650.000	29.05%	29.05%	8.125.000.000	3.106.379.352	11.231.379.352
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt	5.460.000	26%	26%	54.600.000.000	-	54.600.000.000	5.460.000	26%	26%	54.600.000.000	-	54.600.000.000
				62.725.000.000	4.018.742.917	66.743.742.917				62.725.000.000	3.106.379.352	65.831.379.352

Biến động giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào các công ty liên kết trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	65.831.379.352	64.824.792.095
Phần chia lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	1.497.363.565	1.071.407.257
Cổ tức nhận được từ công ty liên kết	(585.000.000)	(1.625.000.000)
Góp vốn trong năm	-	1.560.180.000
Số dư cuối năm	66.743.742.917	65.831.379.352

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tại ngày 31/12/2019 và 01/01/2019				
	Số lượng cổ phần	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến (i)	20.000	3%	4.000.000.000	(2.000.000.000)	(*)

(i) Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302706634 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và thay đổi lần thứ 13 ngày 8 tháng 4 năm 2013. Hoạt động chính là sản xuất kinh doanh các sản phẩm tiêu dùng từ chất dẻo, nhựa kỹ thuật, xi mạ trên nhựa, các sản phẩm nhựa chất lượng cao, kích cỡ lớn phục vụ các ngành kinh doanh kỹ thuật, các dự án đầu tư.

(*) Tại ngày báo cáo, không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường	68.396.872.041	45.329.768.084
Công ty TNHH SXTM Phượng Hoàng	61.572.688.678	43.346.655.605
Công ty Cổ phần Xây Dựng Số 5	46.896.846.297	154.551.147.451
Công ty TNHH Đầu Tư – Tư Vấn – Xây Dựng Thép Mới	23.667.461.200	59.496.035.002
Các khách hàng khác	141.965.163.035	141.491.550.542
	342.499.031.251	444.215.156.684

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty TNHH Eplas	7.722.995.662	19.631.495.246
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Seatecco	4.092.304.590	-
Công ty TNHH Công Nghệ Hóa Nhựa Bông Sen	4.274.633.177	-
Công ty Itochu J373	3.817.618.200	-
Công ty TNHH Azo	-	54.397.235.200
Công ty Cổ phần Điện Máy R.E.E	-	287.760.000
Kraussmeffe Technologies GMBH	-	20.098.048.000
Promixon S.R.L	-	8.668.037.371
Các nhà cung cấp khác	16.163.479.502	42.206.975.288
	36.071.031.131	145.289.551.105

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Kỳ hạn	Lãi suất năm	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Cho vay đối với Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng - công ty liên kết	12 tháng	7,5%	30.000.000.000	-

Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	23.157.802.888	87.453.021.500
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	13.955.254.807	1.059.589.041
Tạm ứng cho nhân viên	945.407.915	1.026.432.010
Lãi dự thu từ cho vay ngắn hạn với Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng - công ty liên kết	857.753.426	-
Phải thu khác	1.239.653.076	1.280.376.171
	40.155.872.112	90.819.418.722



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	31/12/2019				01/01/2019			
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần Xây Dựng Số 5	Từ trên 6 tháng đến 1 năm	37.760.374.115	(18.331.645.349)	19.428.728.766	Từ trên 6 tháng đến 1 năm	11.152.623.350	(3.345.787.005)	7.806.836.345
Công ty TNHH Đầu tư - Tư vấn - Xây dựng Thép Mới	Từ trên 1 năm đến 2 năm	17.749.857.309	(8.884.262.195)	8.865.595.114	Từ trên 1 năm đến 2 năm	38.945.988.972	(17.332.582.165)	21.613.406.807
Các khách hàng khác	Từ trên 1 năm đến 3 năm	9.003.498.247	(6.570.251.787)	2.433.246.460	Từ trên 1 năm đến 3 năm	5.243.909.843	(4.748.712.137)	495.197.706
Các khách hàng khác Doanh nghiệp	Từ trên 6 tháng đến 1 năm	8.098.897.880	(2.429.669.364)	5.669.228.516	Từ trên 6 tháng đến 1 năm	419.075.426	(125.722.643)	293.352.783
Tư nhân Thanh Tuyết	Trên 5 năm	20.992.959.002	(20.992.959.002)	-	Trên 5 năm	20.992.959.002	(20.992.959.002)	-
Công ty TNHH TM Nhựa Đức Thành	Trên 5 năm	34.844.128.351	(34.844.128.351)	-	Trên 5 năm	34.844.128.351	(34.844.128.351)	-
		128.449.714.904	(92.052.916.048)	36.396.798.856		111.598.684.944	(81.389.891.303)	30.208.793.641

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	81.389.891.303	66.881.685.952
Trích lập dự phòng trong năm	10.663.024.745	14.508.205.351
Số dư cuối năm	92.052.916.048	81.389.891.303

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	4.396.173.600	-	1.217.992.487	-
Nguyên vật liệu	176.382.294.221	-	205.973.018.683	-
Công cụ và dụng cụ	2.446.198.848	-	15.443.004.390	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	39.851.351.176	-	69.718.987.952	-
Thành phẩm	181.930.274.533	(1.649.256.123)	218.945.816.218	-
Hàng hóa	51.347.190.517	(824.093.132)	56.040.013.483	-
	456.353.482.895	(2.473.349.255)	567.338.833.213	-

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có 7.797 triệu VND hàng thành phẩm và 6.437 triệu VND hàng hóa (1/1/2019: không) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Biến động dự phòng hàng tồn kho trong năm như sau:

	2019 VND
Số dư đầu năm	-
Trích lập dự phòng trong năm	2.473.349.255
Số dư cuối năm	2.473.349.255

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	502.024.396.093	1.004.471.269.400	35.472.074.092	7.779.984.830	1.549.747.724.415
Tăng trong năm	3.061.205.558	179.737.247.265	1.547.135.000	43.636.364	184.389.224.187
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	15.139.796.109	-	-	15.139.796.109
Thanh lý	-	(3.655.464.382)	(302.513.884)	-	(3.957.978.266)
Số dư cuối năm	505.085.601.651	1.195.692.848.392	36.716.695.208	7.823.621.194	1.745.318.766.445
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	193.036.686.841	728.785.510.893	24.194.836.606	5.438.887.614	951.455.921.954
Khấu hao trong năm	69.126.681.771	104.012.434.193	3.593.088.664	14.766.666	176.746.971.294
Thanh lý	-	(3.626.147.898)	(302.513.884)	-	(3.928.661.782)
Số dư cuối năm	262.163.368.612	829.171.797.188	27.485.411.386	5.453.654.280	1.124.274.231.466
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	308.987.709.252	275.685.758.507	11.277.237.486	2.341.097.216	598.291.802.461
Số dư cuối năm	242.922.233.039	366.521.051.204	9.231.283.822	2.369.966.914	621.044.534.979

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 610.068 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 564.900 triệu VND), đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	275.650.873.946	22.539.500.897	298.190.374.843
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	2.995.992.000	2.995.992.000
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(266.080.209.196)	-	(266.080.209.196)
Số dư cuối năm	9.570.664.750	25.535.492.897	35.106.157.647
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	34.224.363.253	5.100.251.063	39.324.614.316
Khấu hao trong năm	3.120.989.166	7.704.528.364	10.825.517.530
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(34.140.052.294)	-	(34.140.052.294)
Số dư cuối năm	3.205.300.125	12.804.779.427	16.010.079.552
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	241.426.510.693	17.439.249.834	258.865.760.527
Số dư cuối năm	6.365.364.625	12.730.713.470	19.096.078.095

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 425 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 425 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	2019 VND
Số dư đầu năm	13.366.617.816
Tăng trong năm	32.694.675.845
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(15.139.796.109)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(2.995.992.000)
Số dư cuối năm	27.925.505.552

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Số dư đầu năm	26.101.229.177	12.859.733.493
Trích lập dự phòng trong năm	1.824.276.375	506.884.323
	27.925.505.552	13.366.617.816

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN/HH

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công cụ và dụng cụ	1.136.861.000	5.708.761.417
Chi phí khác	115.209.391	3.843.259.318
	1.252.070.391	9.552.020.735

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa lớn VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	-	6.476.732.462	-	6.476.732.462
Tăng trong năm	-	8.824.857.531	963.640.000	9.788.497.531
Chuyển từ chi phí trả trước ngắn hạn	-	20.603.924.951	18.057.609.593	38.661.534.544
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	231.940.156.902	-	-	231.940.156.902
Phân bổ trong năm	(2.435.619.275)	(15.389.798.940)	(5.295.875.559)	(23.121.293.774)
Số dư cuối năm	229.504.537.627	20.515.716.004	13.725.374.034	263.745.627.665

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Thuế suất	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	20%	-	1.368.825.670
Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	20%	17.881.620.364	13.375.362.289
		17.881.620.364	14.744.187.959

17. THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn liên quan đến thiết bị, vật tư, phụ tùng không đủ tiêu chuẩn của TSCĐ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Trị giá của thiết bị, phụ tùng thay thế dài hạn khi xuất dùng được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh.

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC ViNa	60.379.132.000	67.840.388.000
Công ty TNHH Hóa chất AGC Việt Nam	32.292.480.000	27.163.840.000
Các nhà cung cấp khác	17.383.195.786	37.008.437.283
	110.054.807.786	132.012.665.283

(b) Phải trả người bán là bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC ViNa	60.379.132.000	67.840.388.000

Khoản phải trả thương mại cho công ty liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 15 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Tô Minh Liêm	3.915.956.754	2.888.517.596
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Tường Vân	3.190.826.258	-
Công ty TNHH Xây Dựng – Sản Xuất – Thương Mại – Dịch Vụ Lan Thanh	2.396.950.968	6.658.537.177
Công ty TNHH Trường Minh Hải	2.066.342.234	2.131.345.721
Công ty TNHH Một Thành Viên Sản Xuất – Thương mại và Xây Dựng Hoàn Tuấn Thành	1.380.514.216	1.801.026.728
Doanh Nghiệp Tư Nhân Bùi Xuân Đường	-	1.712.417.431
Các khách hàng khác	8.346.028.113	1.239.964.762
	21.296.618.543	16.431.809.415

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. THUẾ PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC**(a) Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2019 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cần trừ trong năm VND	Chuyển từ thuế phải thu VND	31/12/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.215.940.722	1.492.578.085.713	(130.825.040.121)	(1.363.427.968.416)	8.536.355.869	9.077.373.767
Thuế xuất nhập khẩu	-	17.845.301	(17.845.301)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.901.066.149	109.648.608.036	(105.917.987.663)	-	-	17.631.686.522
Thuế thu nhập cá nhân	173.035.335	24.193.562.278	(20.607.556.995)	-	(883.270.164)	2.875.770.454
Thuế khác	-	4.092.508.500	(4.092.508.500)	-	-	-
	16.290.042.206	1.630.530.609.828	(261.460.938.580)	(1.363.427.968.416)	7.653.085.705	29.584.830.743

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số cần trừ trong năm VND	Chuyển sang thuế phải nộp VND	31/12/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	17.186.802.176	1.337.704.810.371	(1.363.427.968.416)	8.536.355.869	-
Thuế thu nhập cá nhân	883.270.164	-	-	(883.270.164)	-
	18.070.072.340	1.337.704.810.371	(1.363.427.968.416)	7.653.085.705	-

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chiết khấu thanh toán	10.294.771.539	45.236.921.043
Chi phí bán hàng của hệ thống phân phối	35.224.781.131	-
Chi phí lãi vay	124.933.134	388.534.295
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	2.365.000.000	2.365.000.000
Chi phí quà tặng	7.074.420.791	-
Chi phí vận chuyển	1.995.480.454	-
Chi phí khác	2.097.143.000	210.000.000
	59.176.530.049	48.200.455.338



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2019 VND		Biến động trong năm		31/12/2019 VND	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	(Giảm) VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	58.625.187.000	58.625.187.000	980.000.000	(3.835.187.000)	55.770.000.000	55.770.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Vay từ:				
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt - công ty liên kết (i)	VND	0%	54.600.000.000	54.600.000.000
Các khách hàng khác (ii)	VND	7,15%	1.170.000.000	4.025.187.000
			55.770.000.000	58.625.187.000

(i) Khoản vay này có kỳ hạn gốc 12 tháng và không được đảm bảo.

(ii) Số dư này liên quan đến khoản tiền đặt cọc nhận được từ các khách hàng phục vụ cho việc thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa được ký giữa Tập đoàn và các khách hàng.

23. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	31.381.358.850	29.715.328.342
Trích lập trong năm (Thuyết minh 25)	34.484.917.000	41.822.548.000
Sử dụng trong năm	(44.274.514.827)	(40.156.517.492)
Số dư cuối năm	21.591.761.023	31.381.358.850

24. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện số dư dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập trong năm.

25. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	818.609.380.000	1.592.782.700	1.188.884.608.976	44.983.552.000	345.885.260.496	2.399.955.584.172
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	427.610.187.562	427.610.187.562
Cổ tức năm 2017	-	-	-	(204.652.345.000)	-	(204.652.345.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	90.781.735.595	-	(90.781.735.595)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(41.822.548.000)	-	(41.822.548.000)
Trích thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(4.646.950.000)	-	(4.646.950.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2018 (Thuyết minh 27)	-	-	-	(122.791.407.000)	-	(122.791.407.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	818.609.380.000	1.592.782.700	1.279.666.344.571	44.983.552.000	308.800.462.463	2.453.652.521.734
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	422.766.296.917	422.766.296.917
Cổ tức năm 2018 (Thuyết minh 27)	-	-	-	(204.652.345.000)	-	(204.652.345.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	61.405.416.562	-	(61.405.416.562)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(34.484.917.000)	-	(34.484.917.000)
Trích thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(4.276.102.000)	-	(4.276.102.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2019 (Thuyết minh 27)	-	-	-	(163.721.876.000)	-	(163.721.876.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	818.609.380.000	1.592.782.700	1.341.071.761.133	44.983.552.000	263.026.102.818	2.469.283.578.651

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. VỐN CỔ PHẦN

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2019		01/01/2019	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	81.860.938	818.609.380.000	81.860.938	818.609.380.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	81.860.938	818.609.380.000	81.860.938	818.609.380.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

Chi tiết cổ đông tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2019		01/01/2019	
	Vốn cổ phần VND	%	Vốn cổ phần VND	%
The Nawaplastic Industries (Saraburi) Co., Ltd.	445.259.110.000	54,4%	445.259.110.000	54,4%
Các cổ đông khác	373.350.270.000	45,6%	373.350.270.000	45,6%
	818.609.380.000	100%	818.609.380.000	100%

Công ty mẹ, The Nawaplastic Industries (Saraburi) Co., Ltd., được thành lập tại Thái Lan.

27. CỔ TÚC

Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 19 tháng 4 năm 2019 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 327.443 triệu VND cho năm 2018, tương đương 4.000 VND cho mỗi cổ phiếu.

Theo Nghị quyết số 3/NQ-BM/HDQT ngày 18 tháng 11 năm 2019, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức đợt 1 của năm 2019 bằng tiền bằng 20% Vốn điều lệ (2.000 đồng cho mỗi cổ phiếu), tương đương tổng số cổ tức được tạm ứng là 163.722 triệu VND.

28. QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Trong năm 2019, quỹ đầu tư phát triển được trích lập bằng 13,4% lợi nhuận sau thuế của năm 2018 theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (2018: 19,5% lợi nhuận sau thuế của năm 2017).

29. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**(a) Ngoại tệ**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	42.395	977.881.277	375.134	8.684.320.433
EUR	-	-	31.396	825.387.332
JPY	-	-	42.000	8.796.480
SGD	-	-	4.970	83.983.060
THB	141.480	102.236.278	206.250	136.632.375
		1.080.117.555		9.739.119.680

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	50.241.722.108	8.580.526.510

30. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2019 VND	2018 VND
Tổng doanh thu		
- Bán thành phẩm	4.191.533.082.404	3.845.371.519.195
- Bán vật tư, hàng hóa	151.404.610.210	284.542.757.860
- Cung cấp dịch vụ vận chuyển	17.260.910	58.457.271
	4.342.954.953.524	4.129.972.734.326
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
- Chiết khấu thương mại	(3.257.396.998)	(200.878.835.829)
- Hàng bán bị trả lại	(2.358.145.908)	(9.456.460.441)
	(5.615.542.906)	(210.335.296.270)
Doanh thu thuần	4.337.339.410.618	3.919.637.438.056

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2019 VND	2018 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
- Thành phẩm đã bán	3.196.762.664.403	2.787.198.449.743
- Vật tư, hàng hóa đã bán	150.098.625.693	260.392.333.273
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.473.349.255	-
	3.349.334.639.351	3.047.590.783.016

32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2019 VND	2018 VND
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	36.025.493.081	23.784.513.577
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	74.548.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.095.826.557	1.003.989.691
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	243.549.333
	37.121.319.638	25.106.601.101

33. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2019 VND	2018 VND
Chi phí lãi vay	125.174.350	292.427.536
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.122.860.720	849.618.000
Chiết khấu thanh toán	109.723.194.492	104.342.940.690
	110.971.229.562	105.484.986.226

34. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân viên	23.031.603.175	18.281.890.642
Chi phí vật liệu, bao bì	6.047.247.260	20.209.974.750
Chi phí khấu hao	2.673.901.886	2.103.281.642
Chi phí bán hàng của hệ thống phân phối	143.804.820.266	-
Chi phí vận chuyển	48.089.342.544	71.990.063.190
Chi phí hội nghị khách hàng	3.212.670.072	31.501.129.555
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	5.588.710.471	2.094.453.864
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.545.862.139	5.600.844.276
Chi phí khác	30.358.168.862	14.072.136.323
	270.352.326.675	165.853.774.242

35. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	52.734.382.348	25.637.279.855
Chi phí vật liệu quản lý	6.463.238.742	8.021.644.465
Chi phí khấu hao	7.514.100.884	5.668.776.178
Thuế, phí và lệ phí	379.810.802	460.138.826
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	10.663.024.745	14.508.205.351
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.208.399.428	15.472.263.858
Chi phí khác	25.741.365.774	28.064.295.357
	116.704.322.723	97.832.603.890

36. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán lại	2.731.917.703.196	2.509.795.981.475
Chi phí nhân công và nhân viên	335.702.823.040	268.423.598.109
Chi phí khấu hao	187.572.488.824	172.420.049.029
Chi phí dịch vụ mua ngoài	193.202.808.912	210.888.013.797
Chi phí khác	226.223.269.770	71.257.717.239

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

37. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	2019 VND	2018 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	109.648.608.036	89.704.487.848
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(3.137.432.405)	12.605.983.039
Chi phí thuế TNDN	106.511.175.631	102.310.470.887

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	529.277.472.548	529.920.658.449
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	105.855.494.510	105.984.131.690
Chi phí không được khấu trừ thuế	955.153.834	1.391.154.963
Thu nhập không bị tính thuế	(299.472.713)	(229.191.151)
Ưu đãi thuế	-	(2.901.374.769)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với công ty con	-	(1.934.249.846)
	106.511.175.631	102.310.470.887

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty TNHH Một Thành Viên Nhựa Bình Minh Miền Bắc – công ty con: Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (từ năm 2007 đến năm 2018) và 20% cho những năm tiếp theo cho hoạt động sản xuất ống và phụ tùng ống nhựa các loại uPVC, PE, PP. Các quy định hiện hành về thuế cho phép công ty con được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2009 đến năm 2011) và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (từ năm 2012 đến năm 2018). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các hoạt động còn lại và các khoản thu nhập khác, các khoản này sẽ chịu thuế suất 20%.

38. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	422.766.296.917	427.610.187.562
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	422.766.296.917	427.610.187.562

(*) Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn chưa thể ước tính một cách đáng tin cậy số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2019. Nếu Tập đoàn ước tính số phân bổ và quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ giảm đi.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2019 Cổ phiếu	2018 Cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm	81.860.938	81.860.938

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2019 VND	2018 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.164	5.224

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 2018, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

39. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2019 VND	2018 VND
Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng – Công ty liên kết		
Bán hàng hóa	14.265.229.500	-
Chi phí thuê kho	7.883.180.520	5.626.546.057
Cho vay	30.000.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	857.753.426	-
Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC ViNa – Công ty liên quan khác		
Mua nguyên vật liệu	1.069.660.000.000	933.204.240.000
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương, thưởng và thù lao	18.168.223.970	12.916.480.986
Thành viên Ban Kiểm soát		
Thù lao	2.374.118.852	2.374.118.852

40. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ngày 27 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Phùng Hữu Luận
Kế toán

Người duyệt:



Hồng Lê Việt
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Ngân
Tổng Giám đốc

